

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm: Nguyễn-năng-Quốc

Chủnh hội trưởng hội Phật-giáo

Quản-lý: Cung-đình-Bính

Chủnh chủ-bút: Phan-chung-Thứ

Sư cụ chùa Hàng-Số

Phó chủ bút: Dương-vân-Kiên

Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BẢO: Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

CHI HỘI PHẬT-GIÁO HẢI-DƯƠNG

Kính bạch chư giáo-hữu :

Chi hội Phật giáo ta nay có các cụ Đại-đức về chi chương ở Tùng lâm Hội quán, có lễ chức một đàn Quy rất long trọng cho các nam nữ hội viên cùng chư Thiện-tín.

Định đến ngày 22 tháng hai ta này sẽ cử hành lễ quy.

Vậy các giáo-hữu xa gần cùng chư Thiện-tín ai muốn qui xin đến hội quán Đông-thuần ghi tên trước ngày 20 tháng 2 ta, và xin kính mời tất cả đến chùa lễ Phật theo như chương trình sau này :

Ngày 22 tháng 2 ta tức 23 Mars 1938

12 giờ chùa cùng Phật.

5 » chiều lên khóa tụng sám hối.

7 » diễn thuyết, diễn giả là khảo cứu viên ở Trung-ương.

8 » lên đàn Quy. 10 giờ lễ thụ Bồ-tát giới.

Ban Trị-sự kính bạch.

KÍNH BẠCH

Muốn cho được biểu dương tinh thần Phật-giáo, ba Ban Trị-sự chúng tôi có lễ chức cuộc hát diễn về đạo Phật, do ban Tài-lử chi hội Phật-giáo Ninh-bình về diễn giúp bài lối tại Hội-quán Đông-Thuần Hải-dương.

Tối 26 Mars diễn : Quả báo luân hồi.

Tối 27 Mars diễn : Tu là cõi phúc.

Cuộc hát có bổ ích cho nhân tâm thế đạo tại là một việc công đức từ thiện.

Xin kính mời các giáo-hữu xa gần cùng thập phương Thiện-tín bớt chút thì giờ đi xem cho đông.

Nay kính bạch

Chủ-nghĩa quân-chúng giải-thoát của đạo Phật

(tiếp theo và hết)



Trong kinh Địa-tạng có 4 câu kệ rằng :

« Địa-ngục vị không, thế bất thành Phật ;
Chúng-sinh độ tận, phương chứng bồ đề »

Là đức Địa-tạng Ngài nói : hễ ở đức địa-ngục chưa bỏ không, vẫn còn có những vọng hèn bị giam giữ ở đó, thì ta đây thế chưa thành Phật vội. Bao giờ ta đây độ hết cho cả mọi loài thì mới chứng đạo chính-giác, là mới thành Phật. Đức Địa-tạng nói thế là trong chúng sinh hễ còn một kẻ nào bị khổ-sở chưa được sung sướng thì Ngài còn cứ hiện ra thân Bồ - tát mà hóa độ mãi cho,

Nói về sự hiện-thân để giải-thoát cho quần - chúng, ta nên nhận lấy chỗ ngụ-ý của đức Thích-ca Ngài tán thán về công đức của Quan âm Bồ-tát. Ngài nói :...Nếu chúng sinh ở quốc độ nào mà phải cầu đến thân một đức Phật để độ cho, thì Quan-âm Bồ - tát, hiện ngay ra thân một đức Phật mà thuyết-pháp cho...». Ngoài ra Quan-âm Bồ-tát sẽ còn hiện ra vô số thân để thuyết-pháp cho chúng-sinh ở đâu phải cần đến. Như phải cần đến thân một ông Phạm vương thì hiện ngay ra thân một ông Phạm - vương, phải cần đến thân một ông Đế Thích thì hiện ngay ra thân một ông Đế-Thích, phải cần một ông L. Tướng quân nhà Trời thì hiện ngay ra một ông Đại Tướng quân nhà Trời, phải cần đến nhà cư - sĩ thì hiện ra nhà cư sĩ, phải cần đến vị Bỉ-khâu hay là Bỉ-khâu-ni, thiện-nam hay là tin-nữ thì hiện ra Bỉ-khâu, Bỉ-khâu-ni, thiện-nam, tin-nữ, phải cần đến ông quan

cai-trị giỏi, thì hiện ra ông quan cai-trị giỏi, phải cần đến người đàn bà con gái hiền-đức, thì hiện ra người đàn bà con gái hiền-đức. phải cần đến ông trưởng-giả thì hiện ra ông trưởng giả.

Ý Đức Thích-ca nói thế là Ngài đem cái chủ - nghĩa quần-chúng giải-thoát mà ký-thác vào ở các hạng người, người nào cũng có thể giải-thoát cho kẻ khác mà mình có thể làm được. Làm được một việc cần phải giải-thoát cho một kẻ khác, tức mình là một vị Quan-âm Bồ-tát cứu khổ cứu nạn cho kẻ ấy đó.

(Nói đến đây chắc trong các Ngài thỉnh giả có Ngài cũng đồng ý với tôi mà làm niệm rằng : chúng-sinh ở những linh bị lụt như Bắc-ninh, Bắc-giang vân vân, bây giờ đang phải cần đến nhiều ông bà trưởng giả có lòng phúc đức mở rộng tú kết ra... vậy xin ông bà nào là Quan-âm Bồ tát kịp hiện thân cho).

Coi đó thì biết phúc quả của đạo Phật là do ở cái công-đức giải-thoát quần - chúng mà nên. Chư Phật chứng đạo bồ đề đều là những vị trải bao đời kiếp đã cứu-độ cho chúng - sinh cả. Kinh nói : Đức Thích ca về đời quá-khứ, khi có dân một vùng kia bị đói, Ngài hiện thân ra một núi thịt để dân sỏ lấy mà ăn. Lại khi gặp một con hùm bị đói quá, Ngài cắt thịt cánh tay bố-thí cho nó. Đó đều là về cái nghĩa xả thân cứu thế một cách cực - diệu vậy.

Tuy thế, nhưng những nghĩa cứu - độ ấy còn là những nghĩa phượng - tiện, những trang-hợp tùy duyên ứng-phó mà thôi. Đến như những điều - kiện thực - hành giải-thoát quần chúng về vãng - viển, thì chính ở đời đức Thích ca Ngài đã thực-hành đặt cái luật bình-dẳng cho trong Tăng-chúng, là không kể con nhà vua, nhà quan hay là nhà dân hèn, hễ đã xuất - gia làm đệ-lữ Ngài là bằng hàng nhau cả, mà thụ giới trước thì ở ngôi trên. Thế là Ngài giải-thoát cái

tệ giai-cấp phân biệt loài người di đó. Ngài lại thực hành luật giới sát là Ngài giải - thoát cho cả vạn vật đó. Còn ở trong kinh sách đều đã phân ra từng loại và đặt ra có chương-trình thứ tự chiụh tễ, chứ không phải là bần phiếm. Trong sách Đại - thặng khởi tín của Mã-minh bồ-tát nói :

• Cứu bạt nhất thiết tâm thân khổ não ».

Là cứu vớt hết thảy mọi cái khổ-não về tâm-hồn, về thể - xác cho chúng sinh. Thế là công việc giải-thoát quần chúng phải phân ra hai phần, một phần giải-thoát cái khổ về tâm-hồn, một phần giải-thoát cái khổ về thân-thể của chúng-sinh, chứ không phải là gặp sao làm vậy mà không có phương pháp phân định hẳn hoi.

Cái khổ về tâm là cái khổ gì, há không phải là cái khổ đốt nát, si-mê dư. Người ta sợ dĩ hay làm nhiều sự cần bậy là do si-mê không hiểu hay gì. Mà si-mê là do đốt nát mà ra. Cái khổ về thân là cái khổ gì, há không phải là cái khổ nghèo đói, tật bệnh tù tội oan khiên dư. Người ta mà đã lâm đến cái cảnh nghèo đói tật bệnh thì dù có thiện tâm muốn học muốn tu cũng không sao được. Và đã bị những nỗi tù tội hoặc oan khiên, thì còn bao giờ được ung dung làm theo điều phải nữa. Vậy đã muốn giải-thoát cho quần-chúng, tất phải giải-thoát cả hai cái khổ về tâm về thân của quần - chúng trên ấy. Bởi vậy trong kinh Dược sư, đức Phật Dược sư có 12 điều đại nguyện. nghĩa là Ngài nguyện cho hết thảy chúng - sinh đến khi Ngài thành Phật thì đều được thoát khỏi mọi điều khổ - sở, hưởng thụ mọi điều sung sướng như trong 12 đại-nguyện ấy. 12 đại-nguyện ấy thuộc về hai phần, tức là phần giải-thoát cái khổ về tâm và phần giải-thoát cái khổ về thân.

Đối với cái khổ về tâm. — Biết rằng chúng sinh sợ dĩ

hay làm nhiều sự cần bạy là vì dốt-nát, nên đại-
nguyên thứ 2, Ngài nguyên cho chúng-sinh đều được
mở mang thông hiểu, lúy theo ý-chí của mình mà làm
nên mọi sự nghiệp. Vì si-mê mà không biết phân-
biệt tà chính, nên đại nguyên thứ 4, Ngài nguyên
cho những chúng-sinh theo tà-đạo được hiểu đạo
chính-giác, những chúng-sinh tụ bậc Tiểu-thặng cách
vị kỹ được chửng lên bậc Đại-thặng đạo vị tha. Vì
dữ đều thông hiểu khỏi dốt nát, si-mê rồi, nên đại-
nguyên thứ 5, Ngài nguyên cho chúng-sinh đều giữ
được mọi giới hạnh trong sạch, cho không bị tội nghiệp
đọa đầy nữa.

Đổi với cái khổ về thân. — Người ta, tướng mạo
sâu xỉ là một sự rất khổ mà tướng mạo tốt đẹp là một
cái phúc lớn. Nên đại-nguyên thứ 1, Ngài nguyên cho
chúng-sinh đều được có cái thân quang - minh sáng
quá: chiếu khắp mọi nơi, và được có 32 quý-tướng
trang nghiêm, như thân Ngài, tướng Ngài khi đã thành
Phật. Cũng vì thế, đại - nguyên thứ 6, Ngài nguyên
cho những chúng - sinh bị thân hình tàn lặt, bất cụ,
sâu xa, ngu ngốc, dui mù, điếc, câm, khuỷnh tay, khoèo
chân, còng lưng, bạch điên, điên cuồng vân vân, đều
được đoan chính lành lặn và khôn ngoan. Đại-nguyên
thứ 7, Ngài lại nguyên cho những chúng - sinh đang
bị ốm đau, không thầy không thuốc không ai cứu
chữa, nghèo cùng khổ khổ không nhà không họ
không biết về đâu, đều được yên vui, thân thích
đóng đủ, ăn dùng phong hậu, lại được biết đến đạo
chính-giác. Đại - nguyên thứ 11 và 12, Ngài nguyên
cho những chúng sinh bị đói khát nó thúc bách, vì đi
kiếm miếng ăn mà làm điều ác nghiệp, đều được ngài
đem những thức ăn ngon đến nuôi cho thân họ
no đủ trước, rồi Ngài lại đem thức ăn bằng đạo - vị
mà nuôi cho tâm họ được vui xướng. Những chúng
sinh bị nghèo khó, không đủ quần áo, muỗi ruồi nó

đốt, bức rét nó cảm-nhiễm, đấm ngáy trần trọc không yếm, đều được có đủ áo quần đồ mặc tốt đẹp, có hương hoa xoa mình, có âm-nhạc mà nghe cho thỏa-thích.

Hết cái khổ về nghèo khó, bệnh tật rồi đến cái khổ tù tội oan khiên, đại-nguyên thứ 10, Ngài nguyên cho những chúng-sinh con vào vương pháp, bị trãng trôi dạt đập, giam hãm trong lao ngục, hoặc đang đem đi hành hình, cũng là vì tội nạn xây ra mà phải chịu ức nhục, khiến tâm thần bị khổ cực sâu não sót xa, đều được nhờ sức phước đức uy-thần của ngài mà giải-thoát mọi sự lo sợ khổ sở ấy.

Xem những đại-nguyên của đức Dược-sư mà tôi đã phân ra hai phần tám với thân như trên ấy, thì biết chư Phật thương sót chúng-sinh là dường nào, mà xét biết mọi cái khổ của chúng-sinh chu đáo là dường nào. Gọi là « đại-bi đại-nguyên » thực là đáng lắm.

Đức Dược-sư đây thì Ngài nguyên lúc Ngài thành Phật là lúc chúng-sinh thoát khỏi những cái khổ ấy, còn đức A-di-đà, đức Địa-tạng thì đều nguyên kể còn một chúng-sinh nào chưa thoát hết cái khổ ấy thì các Ngài thì không thành Phật. Vậy ta thấy chỗ thâm ý của chư Phật là muốn giải - thoát cho mình trước phải giải-thoát quần chúng. Quần-chúng có giải-thoát thì mình mới giải-thoát được, vì mình với quần-chúng là một thể. Ngoài ra lại còn xếp bỏ thì tức là đạo từ thiện và nghĩa-hiệp. Hoặc lấy tiền của hoặc lấy tri-tuệ, hoặc lấy lòng vô-úy mà cứu giúp kẻ khác, đều thuộc về chủ nghĩa quần-chúng giải-thoát này cả.

Coi đó ta lại thấy tấm lòng thương yêu chúng-sinh của chư Phật thực không khác gì bà mẹ hiền thương yêu đứa con thơ, ngắm nghĩa con từng cái tóc, cái

mũi, cái mắt, đến nước da, cái gì cũng muốn cho con tốt đẹp, không muốn có một tí cau gì ráy vào, chán lòng con, không muốn để cho con có một tiếng khác mới bằng lòng. Ôi, qui hóa biết bao, đáng sùng bái, ngưỡng mộ biết bao. Nhưng cho được đền ơn mẹ hiền, thể lòng mẹ hiền, ta phải đem những đại-nguyên của mẹ ta ra đối đãi với anh em ta là quần-chúng là chúng sinh quay quần với ta trên thế giới này.

Nhân lại nhớ đến trong sách Nho cũng có nói :

« Một người dân hèn nào không được yên thân hả giả, ấy là tội của ta ».

Những ý như thế còn nhiều, vậy biết Nho với Phật đều là đạo về tinh cách nhân từ, tinh cách xã hội cả. Thế mà người Đông-phương ta được tụng đọc những kinh sách ấy đã mấy nghìn năm, chỉ coi là những lời cửa miệng thoảng qua, không biết thể nhận và thi hành những ý hay lòng tốt ấy ra thực tế, giúp cuộc tiến hóa cho loài người, thực là việc đáng nên xám hỏi vô cùng.

Ta đã biết xám hỏi, ta nguyện bắt đầu từ ngày nay.

III. — NÓI VỀ HỘI PHẬT GIÁO TA HIỆN NAY NÊN THỀ-NHẬN SUY DIỄN VÀ THỰC-HÀNH CHỦ- NGHĨA QUẦN-CHÚNG GIẢI THOÁT RA THẾ NÀO

Thưa các ngài, chắc các ngài cũng công nhận rằng hội Phật giáo ta lập ra cũng là nhân sự cần kíp của xã - hội, mong thực hành chủ-nghĩa quần - chúng giải-thoát của Đại thừa Phật - giáo ra cõi hiện tại, chứ không phải chỉ cùng nhau chuyển làm một việc lễ Phật niệm Phật cho đồng vui đâu. Nếu công việc của hội mà chỉ có lễ Phật niệm Phật, thì chẳng đợi lập hội, người ta cũng đã vẫn làm như thế lâu rồi.

Ngày nay tri thức mở mang, giao-thông tiện lợi, số-xã càng nhiều, cạnh tranh càng dữ, sự quan-hệ người ta với nhau càng mật thiết. Cái tia sáng của con mắt

ngời đời không thể chỉ nhìn quanh một thân mình, mà chủ - nghĩa cá-nhân giải - thoát không thể còn lại được nữa. Vì vậy đạo Đại-thặng Phật-giáo và chủ-nghĩa quần-chúng giải thoát cần phải đem ra ứng dụng cho đời.

Ngặt vì đời đang lúc cạnh tranh, mà trong miền nông-phố, chỗ thị trấn, nơi công nghệ, đều là chốn cạnh tranh, cạnh tranh về miếng cơm manh áo cả. Cạnh tranh đã dờ thì tất kẻ khôn ngoan lắm mới thắng mà kẻ lảnh hiền phải bại. Khốn nỗi, đời thường kẻ hèn yếu thì nhiều mà người khôn ngoan có mấy, cho nên người đắc thắng một vài mà kẻ thất bại hàng nghìn vạn. Vì đó mà ngày nay những chúng sinh bị khổ não về cả hai phần tâm thân lại càng thấy đầy rẫy. Chúng ta học đạo cứu thế của Phật, tin-ngưỡng chủ-nghĩa vị tha, chúng ta phải cùng nhau đồng lòng đấu cật, giải thoát lẫn cho nhau về mọi cái khổ não của thân chúng ta. Ấy cái đại-nguyện của hội Phật-giáo ta là thế. Công việc theo hai phương diện mà tiến-hành như sau này :

1 - Muốn giải-thoát cái khổ về tâm hồn cho quần-chúng, trước phải mở mang trí tuệ. Bởi vậy hội Phật-giáo bắt đầu lập ban nghiên - cứu để tìm cho tới chỗ chân chính của đạo Phật là đạo Đại thặng, từ-bi, bình-dẳng, vị-tha, cứu thế. Rồi đem những nghĩa đã biết, ăn hành ra báo ra sách, để mọi người đều hiểu mà theo. Rồi mở ra nhiều nơi giảng đàn để giảng nói, khuyên nhủ nhau về những nghĩa hay đạo chính ấy, cho người ta biết tự độ và độ cho kẻ khác.

Song những việc trên ấy là đối với những người đã lớn tuổi, muốn cho lớp hậu tiến sau đây đều có cái trí-thức phổ thông, vì người ta mà có được cái trí-thức phổ thông thì mới hiểu điều hay lẽ lẽ, mới tránh khỏi những thói mê-tin ngu si, và mới biết được ý sâu nghĩa chính của đạo, hội Phật giáo sẽ kích lệ cho trong tầng-giới, cư sĩ, có nhiều nữ-như người kiêm làm giáo sư

giúp việc giáo dục Nhà nước mà dạy trẻ con ở thôn-quê về chữ Nho, chữ quốc-ngữ và chữ Pháp. Sau đây khi là-công-của của hội có thể trừ được, hội sẽ mở những trường tư thực hợp thức theo chương-trình nhà nước dạy phổ-thông cho thanh niên

2. - Muốn giải thoát cái khổ về thân-thể cho quần-chúng hội Phật-giáo định ra hai pháp là việc cứu cấp và việc tiệm tiến.

Việc cứu cấp, hội không phân trong nước ngoài nước, màu da, quốc tịch. phàm đau bị tai nạn đói khổ, hội đều đứng lên khuyến hóa gửi đi giúp đỡ cho nơi ấy ít nhiều. Như vài năm nay, khi thì giúp đỡ cho bạn thất-nghiệp tây nam, khi thì giúp đỡ cho dân bị lụt, siến nay hội đang khuyến hóa để giúp đỡ cho đồng bào bị lụt miền bắc. Hội lại nhớ các chi địa phương siết lòng đỡ đỡ về việc ấy, như chi Phật-giáo Lạc-ninh hồi này, nhiệt liệt làm việc chẩn-tế miền lụt, đã được Hội đồng Phổ-tế Trung ương Hanoi mời rỗi kien ngợi.

Việc tiệm tiến : nói đến việc tiệm tiến chắc có người mỉm cười mà rằng : chúng sinh đang bị nheo nhóc, mà nói tiệm tiến thì đến bao giờ. Nhưng Các Ngài cũng nên lượng tài cho cái tình cảnh eo hẹp của xã hội ta nay. Vậy hội Phật-giáo sẽ khuyến khích các vị tăng ny, các nhà cư sĩ, nữ cư sĩ, nghiên cứu thuốc nam thuốc bắc hoặc thuốc tây để cứu trữa cho những người bệnh hoạn xa nơi thành thị, sẽ khuyến hóa mở nhà bệnh viện, nhà phát thuốc ở trốn thôn quê.

Hội lại sẽ khuyến khích các chi hội mở ra những nơi dạy trẻ con gái gái, làm những việc thủ công cho chúng có nghề làm ăn. Rồi đây hội sẽ có những đoàn thể làm việc phúc, như đội Hướng-đạo lẫn vào những nơi nước lửa mà cứu nạn trừ tai, như đội Hồng-thập tự ra chỗ chiến trường mà băng bó thuốc thang cho người lính bị thương. Nói tóm lại hội sẽ chú ý đến

những việc cứu khổ về thân thể của quần chúng.

Tuy thế nhưng hội là ai, là các ngài với chúng tôi họp lại chứ ai. Nếu các ngài với chúng tôi, ai nấy đều đồng đưa công việc cho nhau thì mục đích của hội không bao giờ đạt tới. Nhưng chúng ta ai nấy cũng phải tâm, nhận việc hội là việc mình, kẻ công người của gom góp nhau vào thì đại nguyện kia sẽ có ngày được như nguyện.

Quần chúng ta nay, về phương diện nào cũng đều đang cần thiết. Vậy xin các ngài đều tùy tài lực của mình, theo ý nguyện Quán âm bồ tát, mỗi người hiện ra một vai thân mà tiếp chúng. Ngài thì hiện ra thân danh tăng, đạo cô, đại cư sĩ, đại nữ cư sĩ mà làm việc giáo-hóa. Ngài thì hiện ra thân ông lang bà lang, hay thuốc tây thuốc ta mà cứu bệnh nhân. Ngài thì hiện ra thân ông giáo bà giáo đứng dân mà gi dạy đời. Ngài thì hiện ra thân ông trưởng giả, bà trưởng giả đao đức mà làm việc phúc. Ngài thì hiện ra thân kim cương Dạ-soa mà trừ kẻ ác bệnh người thiện. Mỗi một việc chúng sinh cần đến đều có người hiện thân cứu độ, ai nấy đều trông vào mục đích của hội, theo chủ nghĩa từ bi bình đẳng, vị tha cứu thế của Phật mà làm việc giải thoát cho quần chúng. Hội được phi nguyện mà công đức các Ngài vô lượng.

Sau hết lời xin nhắc lại một lần nữa xin các Ngài lưu tâm ;

Muốn giải thoát cho mình trước nên giải thoát cho quần chúng, quần chúng có giải thoát, mình mới giải thoát được. Ng. tr. Thuật

KIẾN NHÂN

(tiếp theo số 79 và hết)

Thí dụ : Ta định đi một con đường nào, thời dù xa xôi hay cách trở mặc dầu, ta cũng cứ đi cho đến nơi đến chốn. Ta đừng thấy đường xa mà ngại, ngăn trở mà thoái

lắm, đường xa ta đi một ngày không lười, thời hai, ba ngày cho đến hàng năm hàng tháng; gặp sông thì ta đóng bè ta vượt, gặp núi thì ta bạt núi ta đi, bao giờ đến hơi thở cuối cùng của ta thì ta mới chịu nghỉ; có chí kiên nhẫn như thế, mới phải là một tay anh hùng, và mới thành được người có ích cho nhà cho nước.

Hoặc có người bảo nó khó không chịu học, hay học đến nửa chừng rồi thôi, đành chịu hèn yếu. Nhưng nào có khó gì đâu, có lạ gì đâu, chỉ tại người ta không có lòng kiên nhẫn. Cho nên sách nhỏ có câu rằng: « Thế thượng vô nan sự, nhân tâm bất bất kiên. 世上無難事, 人心自不堅. Nghĩa là ở đời chẳng có việc gì khó, chỉ tại người ta không bền lòng. » Ta phải biết rằng, hề cái gì mà người ta làm được, thì mình cũng có thể làm được. Khó đến như phá núi làm đường đi, bắc cầu qua sông cái; đấy là những việc hiện thời của ta đã từng rất thấy tai nghe chứ không phải chuyện cổ gì mà cho là quái lạ, mà những việc khó ấy chẳng những có đấy mà thôi, lại còn nhiều việc khác khó hơn nữa. Thế thì ta nên theo cái gương kiên nhẫn của các nước văn-minh, việc gì cũng làm được cả. Ta không nên cho cái trí của ta là kém-cỏi, cái sức của ta là yếu-hèn, mà không chịu làm chịu học.

Xét cho kỹ ra, thời ai cũng cùng một linh-hồn, cùng một xác thịt như nhau cả. Chỉ có ai sớm biết tu biết học, thì chóng giỏi chóng khôn, còn ai không học không tu, thì phải chịu hèn chịu giốt. Cứ nói đến một việc khó, thì việc tu đến thành Phật lại là một việc khó đến cực điểm Đức Phật tổ ngày xưa. Ngài cũng là một người như chúng ta, mà ngài chịu kiên-nhẫn tu đến thành đạo được. Những việc khó khần như thế, có người làm được, huống hồ những việc: thương, sao ta không làm được. Hãy nói như hội Phật-gláo ta đây, đã có cái mục đích rõ-ràng và chính-dáng, nếu ta biết lấy lòng kiên-nhẫn mà làm, thì sao lại không đạt được cái mục đích ấy

Cái mục-đích của hội ta là thế nào? - Cái mục-đích của hội ta có hai phần căn nhất:

Phần thứ nhất về tinh thần là việc học.

Phần thứ hai về hình thức là ngôi chùa.

Nói về phần thứ nhất, thời trường Phật-học ngày nay đã thành lập rồi, thời anh em học-sinh ta phải kiên-nhẫn mà học cho đến nơi đến chốn, rồi ra ta lại dạy cho những người sau, bao giờ mỗi một ngôi chùa, có một vị sư hiểu rõ đạo Phật, khiến cho ai ai cũng được nhờ ơn giáo-hóa của chư tăng; ấy là tới cái mục-đích phần thứ nhất.

Còn nói về phần thứ hai là ngôi chùa của hội ta, tuy nhiên là hình thức, song lại càng cần lắm. vì hội Phật-giáo ta thành lập ở đây là một nơi trung tâm-diêm của cả xứ, mà ngôi chùa này lại là một ngôi chùa có danh nghĩa đối với thập phương, các nước ai muốn đến tùy bị hội Phật-giáo ta, thời trước hết cũng đến đây, mà xứ ta tin đồ Phật-giáo thời ai ai cũng qui hướng về đây. Thế thời ngôi chùa này cũng như một nơi nhà thờ cả của trong họ mà của cả toàn kỳ, chứ không của riêng ai, cho nên không thể dễ mà được chật-hẹp thế này, mà cũng không thể làm bé được. Vậy chúng ta là con Phật, thời chỗ thờ cha phải thế nào? - Tất nhiên phải ra sức kiên nhẫn, cùng nhau hiệp lực đồng tâm mà làm cho ngôi chùa rộng rãi khang trang, để lấy nơi thờ Phật cho xứng đáng; chỗ thờ các vị quá cố hội viên, và sau này chúng ta cũng được phôi-hưởng vào đây; mà nhất là khiến cho ai ai đến đây, trông thấy chùa đẹp tượng to, cũng khởi lòng tin kính, mà noi theo cái gương từ bi bác ái của Phật, biết bỏ ác làm lành; ấy là tới cái mục-đích phần thứ hai vậy.

Chữ kiên nhẫn để làm việc tôi nói đây, là riêng về phần thiết thực của hội Phật-giáo ta, còn nói về chữ nhẫn hoàn toàn, thời chữ nhẫn đủ mọi phương diện

không có một phương diện nào là không phải trừ trọng đến. Song cứ đem một câu này mà tỷ dụ ra bao nhiêu câu, thời lại càng rõ nghĩa lắm. Thí dụ : người tu đạo không kiên nhẫn tu đến giác ngộ, thời cũng không thành quả tu, người học trò mà không kiên nhẫn học lấy thành tài, thời cũng không thành tài nghề học, nói cho đúng thời hội ta không kiên nhẫn mà làm tới hai cái mục đích như tôi đã nói ở trên, thời cũng không thành cái chủ nghĩa « Chấn hưng Phật-giáo ». Điều đó chẳng nói thời các ngài cũng đã rõ là hội ta ai cũng mong có một ngày kia được trông thấy cái quang cảnh quảng đại của ngôi chùa, cái qui mô đặc biệt của tăng giới. Vậy tôi giám chắc rằng, thế nào cũng đạt tới cái chủ nghĩa « chấn hưng Phật-giáo ». Nhưng điều đó còn trông vào các ngài, cần phải có lòng kiên nhẫn mới được. Ta có chí kiên nhẫn thời ta làm việc gì cũng được, học nghề gì cũng thành, mà cũng không còn lo ngăn trở hay thất bại một việc gì ở trên đường đời nữa. Cho nên ta thường nói rằng :

Chữ nhẫn là chữ tương vàng,

Ai mà nhẫn được mọi đắng mọi hay !!!

Nghĩa là chữ nhẫn nó quý hóa như vàng như ngọc, ta mà nhẫn được, thời cũng như trong nhà sẵn có kho vàng, thời muốn làm việc gì cũng được.

Hoặc có người bảo : sự nhẫn nại để làm việc, thời sự ấy nên nhẫn; nhưng còn họ đánh chửi mình, mà mình im lặng, như thế thời mình chẳng những là phải chịu thiệt, mà họ lại còn bảo mình ngu độn không biết gì, thế thời nhẫn làm sao được ? — Song không phải thế, sở dĩ thánh hiền dạy người ta cần phải nhẫn, là vì lẽ thế này : Phật đã xét biết cái thân của ta là giả-dối, rồi một ngày kia nó sẽ tan nát đi, thời không nên quý báu nó và bình vực nó, ta chỉ nên lấy lòng từ bi nhẫn nhục đối với chúng thời hơn. Nếu trong khi những kẻ chửi mắng ta, hay làm

trái ý ta và thù hận ta, thời ta tự an úy ta rằng, những kẻ ngu si không biết, nên mới làm những điều khổ nạn như thế, thời ta không nên giận mà chỉ nên thương.

Kinh Đại-bảo-tích chính-pháp nói rằng: « Các bậc Bồ-tát tu hành, thường phải giữ tâm lòng từ bi nhân nhục, đề đối với hết thấy những người độc ác hèn hạ, nếu nó đem những truyện trái ngược mà đênh chửi mình, thời mình chẳng những là phải chịu những điều nhục ấy, mà lại còn phải lập cách phương tiện để tế độ cho nó, khiến cho nó biết bỏ ác làm lành; thời thực là công đức vô lượng ».

Đây là tôi nói về có mấy câu trong một bộ kinh, còn trong Tam-tạng kể ra thời nhiều lắm, không thể đem nói trong thời giờ chốc lát này cho hết được. Trừ ra những bộ về Tiểu-thừa thời không kể, còn về Đại-thừa thời như kinh Hoa-nghiêm, kinh Lăng-nghiêm, kinh Pháp-hoa văn cú, kinh Hộ-quốc-nhân-vương, kinh Xuất-diệu, kinh Pháp-tập, kinh Bồ-tát-giới, kinh Nguyệt-đăng-tam-muội vân vân, cũng đều bảo người ta phải kiên nhẫn không nên giận.

Sách nho cũng nói rằng: « Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân-tử hồ? 人不知而不愠不亦君子乎? Nghĩa là người không biết mà không giận, chẳng phải thái độ người quân tử là gì? » Đây là những sự nó cảm xúc mà thân hiền còn dạy người ta cần phải nhẫn nại, phương chi tự mình lại gây nên đánh chửi nhau, thời thật là vô lý quá. Hoặc có người giữ cái tính ngồng cuồng, đem lời độc ác chửi mắng người ta, lấy sức mạnh khoẻ đánh đập người ta, thói nào diệu vũ dương uy, để thị hùng với người ta, nếu có người đem lời phải trái để can-ngã, mà bảo phải nhẫn nại, thời họ bảo rằng: Tính tôi nóng lắm không thể nhẫn được, cứ để tôi chửi cho nó biết mặt, và đánh cho nó biết tay. Những người nói như thế thời tôi xin hỏi: Giá thử bây giờ mình chửi người ta, người ta chửi lại mình, mình đánh người ta, người ta đánh lại mình, mình kiện người ta, người ta kiện lại

minh, dù có được người ta chằng nữa, thời cũng khuyh gia bại sản. Thế có phải tự mình lại gây nên tai và cho mình đấy kuông? cái tai và ấy xảy ra, phải chăng vì lòng không biết kiên nhẫn. Thế cho nên sách nho nói rằng: Thụ cố quân tử hữu nhất thân chi ưu, vô nhất triều chi hoạn, nhất triều chi phần vong kỳ thân, cấp kỳ thân, thụ hoặc rư? 是故君子有一身之憂, 無一朝之患, 一朝之忿忘其身, 及其親是惑歟? Nghĩa là người quân-lữ biết lo dữ mình, thời không có cái và xảy ra, với giận một chốc-lát, mà đến nỗi vong thân, và hận đến thân-thích, thế có phải lầm không?

Thưa các ngài: Tôi đem hai chữ kiên-nhẫn của Phật-giáo và Nho-giáo mà so-sánh với nhau, thời không khác nhau mấy, kể trong sách Phật và sách Nho, không có mấy bộ là không nói đến, mà những người tu đạo chúng quã, cho đến những bậc có công danh to-lát ở đời, chưa từng thấy ai không bởi lòng kiên nhẫn mà làm nên được.

Thật chữ nhẫn là cái thang đạo đức cho cho chúng ta trèo, chữ nhẫn là cái gương nhẫn nghĩa cho chúng ta soi, chữ nhẫn là con thuyền bát-nhã chở chúng ta qua sông mê và sang bờ giác,

Giữ được lòng kiên nhẫn, chữ nhân sẽ đưa ta đến cái mục-dịch của chúng ta theo, và chữ nhẫn sẽ chỉ rõ cho đường quan-minh cho chúng ta tiến vậy.

Nam mô A-di đà Phật.

Sa-môn : Đĩnh - trưng - Như

BÀI DIỄN THUYẾT Ở CHÙA CẢ

ngày 15 tháng riêng năm Mậu-dần

Nam-mô A-di-đà Phật,

Bạch các vị đại-dức thượng-tọa,

Thưa các vị thiện-lin, các ngài giáo-hữu.

Nay nhân lễ nguyên tiêu, là một lễ lành đầu năm trước hết, kính xin chư Phật ban phúc lành cho các vị đại đức thượng-tọa, đạo-thể khang cường, và các cụ

Tin lão, các Ngài Giáo-hữu, cùng quý quyền đều vinh an khắng thái, và xin Phật tổ ủng hộ cho cả quốc-dân ta đều được mọi sự bình yên. Sau nữa, xin cảm tạ các Ngài đã có lòng mộ đạo đến chùa chiêm ngưỡng được đông đúc như thế này, có lẽ giáo-hội ta sau này mỗi ngày được thêm thịnh vượng, thực là một cơ hội đáng mừng!

Từ khi hội Phật giáo ở Bắc kỳ ta thành lập đến giờ các vị bên tăng giới cùng các vị bên cư-sĩ, nối gót nhau cũng dần giảng thuyết và có báo Duốc-tuệ đăng các bài văn thì những giáo-lý đạo Phật và mục đích hội ta, đã lần lượt thuyết minh cả rồi, tưởng cũng không đợi đến tôi phải cần nói thêm điều gì nữa, Duy tôi trộm nghĩ: muốn chấn hưng Phật-giáo, cần phải tuân theo tôn chỉ nhà Phật, có cái tinh thần dũng mãnh, tinh thần linh liến, mà phải dùng chữ Thường của đạo Phật, để thường thường giữ mãi cái tinh thần ấy, mới mong có ngày đạt được đến cái mục đích, chấn hưng Phật giáo. Trước đây tôi đã cùng các Ngài cùng khuyến miến nhau, thế mà tôi tự vấn tôi hình như không giữ được chữ thường, e rằng cái tinh thần tiên, dũng mãnh mỗi ngày một phai nhạt đi, không khỏi người ngoài cười người nước mình, việc gì cũng chỉ sốt sáng lúc đầu, rồi về sau nguội lạnh dần đi. Bởi cơ thế, cho nên tôi đánh bạo nói mấy nhờ nhắc lại, để cùng các cụ, các Ngài, cùng khuyến nhủ nhau, may ra khỏi sai tôn chỉ đạo Phật, và tránh khỏi người ngoài bình phẩm chẳng? Tôi không phải là người yếm bác về Phật học, lại không có công phu nghiên cứu các kinh sách; tôi chỉ xin nói những câu nghĩa lý tầm thường không có điều xa lạ, chẳng qua là nhắc lại những điều dễ hiểu dễ biết, mà có lẽ các Cụ các Ngài cũng đã thừa hiểu biết đi rồi? có điều nhằm lẫn gì, xin các cụ các Ngài chất-chính lại cho.

Đoạn thứ nhất, tôi xin nói ở cõi Á-đông ta và nước nam ta, vì lẽ gì mà từ trước đến giờ, Phật giáo không thịnh hành bằng Khổng giáo ?

Đoạn thứ 2, tôi xin nói nước ta cần phải có Tôn-giáo, vì lẽ gì mà ta nên theo tôn giáo nhà Phật ?

Cõi Á-đông ta có 3 đạo giáo rất to, đứng ngang hàng nhau, là đạo Khổng, đạo Phật, và đạo Lão ; trừ ra đạo Lão hoặc có người cho là giáo lý thiên về chủ nghĩa chán đời, cho nên không thể thịnh hành được. Còn như đạo Phật với đạo Khổng, chắc là không ai dám phân đoán đạo nào hơn đạo nào kém ? Thế mà từ xưa đến nay, đạo Phật vẫn không thịnh hành bằng đạo Khổng, ngay những thời đại đạo Phật toàn-thịnh, như đời nhà Hán sai sứ sang cầu Phật kinh, làm chùa, dịch sách ; đời nhà Đường sai đức Thánh-tặng sang thỉnh Phật kinh, và về sau lại rước Phật cốt. Về nước Nam ta, thì đời nhà Lý đức Thái tổ xuất thân ở chốn thuyền-côn, sau khi ngài làm vua, thì thiên hạ đều dựng chùa thờ Phật. Đời nhà Trần thì các vua đều nhường ngôi xuất gia tu đạo, ấy những lúc Phật học toàn thịnh như thế, mà đạo Phật cũng không thịnh hành được bằng đạo Khổng, là vì lẽ gì ? Tôi trộm nghĩ rằng : đạo Khổng có ích lợi cho nên chính thể quân chủ, cho nên đạo Phật từ trước không thể thịnh hành hơn được. Thế nào là đạo Khổng có ích lợi cho nên chính thể quân chủ ? Vì rằng : cõi Á-đông ta từ trước vẫn theo chính thể quân chủ, mà đạo Khổng thì chủ trọng nền luân lý, trung, hiếu, tiết, nghĩa, như trong gia đình giáo-dục thì dạy những điều phụ tử, tử hiếu, huynh hữu đệ cung, phu sùng, phụ tỳ ; xã-hội giáo dục thì dạy những việc binh, hình, lễ, nhạc, tu, tề, trị, bình, học thuyết chủ trọng về chữ trung, chữ hiếu, cho nên nền quân chủ có thể vững vàng lâu giải được. Bởi thế sau khi nhà Tần đốt sách chôn học trò, đến lúc nhà Hán được thiên-hạ, đem ngay cổ thái lao tế đức Khổng tử, rồi

người trong nước su-hướng về Khổng học, lấy chữ trung
 biểu lễ, nghĩa làm trọng, dẫu Tào Tháo Vương mễng cũng
 không thể cướp được ngôi báu nhà Hán, mà cơ nghiệp
 lâu dài được đến 4 trăm năm. Trong sách Tân thư bên
 Tần có người cho con bò tể đức Khổng tử là người
 công thần của nhà Hán, cũng không phải là quá đáng,
 từ đấy giờ về sau, các đời vua đều đem ngũ kinh tứ thư
 của Khổng học, làm ra văn chương, mở khoa thi lấy
 các ông trạng, ông bảng, ông nghè, ông cử, để ban cho
 chức trọng quyền cao, và những người tời trung, con
 hiếu, chồng giầu nghĩa, vợ giữ tiết, đều được lập đền,
 lập miếu, cho biểu, cho tiền; nếu người nào không trung
 không hiếu, thì người trong nước đều khinh bỉ như ông
 Nguyễn-nghiêu-Tur ở huyện Vũ-giang tỉnh Bắc-ninh về đời
 nhà Lê, đỗ đến Trạng-nguyên, nhưng mang tiếng bất trung
 bất hiếu mà người đời gọi là ông Trạng-lợn, người ta
 đề 3 chữ « Trạng-nguyên-phường » ở sòm các người làm
 đồ tể, nghĩa là người ta cho danh giá ông Trạng ấy, cũng
 như người làm đồ-tể mà thôi. Bởi những lẽ đó, cho nên
 những bậc anh tài, tuấn kiệt trong nước, đều chen
 nhau vào học rồi hưởng ưong khắp trong nước, ai nấy
 đều sùng bái tín ngưỡng học nho. Về những thời đại đó,
 thì Phật giáo chẳng qua là tôn-giáo của các hàng tăng-ny,
 tôn giáo của các bà-vãi, còn đại đa số quốc dân, thì Phật
 giáo không phổ thông đến được. Xem thế, thì đời nào
 cũng vậy nước nào cũng vậy, giáo hóa, phong tục, đều
 quan hệ ở người trên su-hướng vào đâu, thì toàn-thể
 quốc-dân cũng su hướng vào đấy. Vậy thì nay muốn chấn
 hưng Phật giáo, cần phải trông mong ở các bậc đàn anh;
 trong gia-đình thì trông mong ở các bậc tôn trưởng giầy
 giỗ con em, ở xã hội thì trông mong ở các bậc thượng-quan
 khuyên bảo quần - chúng, thì phong trào mới được bành-
 trướng, cơ sở mới được vững vàng. Tuy vậy mặt lòng,
 phong-hóa chủ động tuy cốt ở người trên, mà đạo học tu-
 hành phải cần tự mình tu tỉnh lấy; đức Phật có giầy rằng
 ta tuy độ cho chúng sinh, nhưng kỳ thực là chúng-sinh

phải tự độ lấy thân. Vậy thì anh em ta nên cùng nhau bỏ hết cái tính ý-lại người trên, mà tự mình tự tạo lấy nhân lành, để sau này tự hưởng lấy quả tốt.

Đoạn sau này, tôi xin nói nước ta cần phải có nền tôn-giáo, và vì lẽ gì mà ta nên theo tôn giáo nhà Phật ?

Nếu Khổng-giáo còn thịnh hành ở đời, thì trong nước đã có danh-giáo duy trì lấy nhân tâm phong tục, thì đạo Phật cũng nương tựa đạo Khổng mà cùng phát minh; nhưng nay đạo nho đã suy vi, ngũ kinh, tứ thư không có ai giảng đọc đến; dầu rằng các trường học cũng có giảng các giáo-khoa về luân-lý, cũng chẳng qua chỉ một số ít học sinh giảng tập mà thôi; vả lại đương lúc này thường nghe những truyện cường thường đảo ngược phong-hóa suy đồi, văn minh mới chừa bấp thụp được mấy, mà quốc túy cũ lại tiêu tán hết dần, chẳng phải nói nhiều, chắc các cụ các ngài cũng đã hiểu thấu hết cả ? Vậy muốn cầu được hạnh phúc cho đại đa số quốc dân, tất phải nương tựa vào tôn-giáo, mới duy trì được thể đạo nhân tâm; bởi vì có tôn-giáo thì người trong nước mới có đoàn thể, phạm người cùng hội cùng thuyền, biết thương nhau, yêu nhau; và có tin-ngưỡng tôn-giáo, thì mới biết ăn năn sửa mình, sợ hãi những điều họa-phúc báo ứng; dầu có người tàn-ác hung bạo, không sợ hãi gì ai, mà thường có khi lại sợ những điều trừng phạt vô hình không trông thấy, ví dụ như nghe tiếng sấm tiếng sét, thường phải dật mình, nghe những truyện núi gươm vạc dẫu, thường phải chột dạ; ấy tôn-giáo cần cho người đời là thế; vậy thì ta nên theo tôn-giáo nào ? tất nhiên là những người đi thích trong nước, đều phải nên theo Phật-giáo.

Vi lẽ gì mà ta nên theo Phật-giáo ?

Một là : Phật-giáo là tôn-giáo của Á-đông ta, của nước Nam ta, đã mấy nghìn năm nay; hiện bây giờ các nước bên châu Âu, châu Mỹ, đều có hội Phật-giáo, hưởng chỉ

Phật-giáo là tôn-giáo của nước mẹ đẻ ta, ta không theo thì theo tôn-giáo nào ?

Hai là Phật-giáo không phải là thuộc về dị đoan, Phật không có ép ai phải phục tùng Phật, phải cảm ơn Phật, phải mê tín Phật, rồi Phật mới độ cho lên chốn Thiên - đường, về nơi Lạc-quốc ; vậy tôn-giáo Phật là một tôn-giáo quang - minh, chính - đại, cũng như đạo trung dung của Khổng-giáo có thể truyền bá lâu dài ở đời, mà không có điều gì tệ hại. Nhưng lúc Khổng - giáo thịnh hành, mà Phật-giáo cũng không có thể bỏ được ; xem như làng nào có văn chỉ thờ đức Khổng-lữ, thì tất có ngôi chùa để thờ Phật ; xem thế thì biết Phật-giáo có lúc thịnh lúc suy, chẳng qua người ta làm ra thịnh ra suy, chứ Phật-giáo ví như là mặt trời, mặt giếng, bản thể lúc nào cũng sáng, nếu người ta lấy tay che mặt trời mặt giếng, thì không trông thấy, nhưng bản-thể mặt trời mặt giếng thường vẫn sáng suốt, soi khắp cả hoàn cầu.

Ba là Phật-giáo chú trọng ở chủ nghĩa cứu đời, như thuyết bình đẳng, thuyết tự-do, thuyết bác-ái, rất hợp với tinh thần văn minh thế-giới bây giờ ; mà những thuyết ấy không phải là ngài chỉ nói suông, mà Ngài đã thực-hành rồi đó. Về thuyết bình-đẳng, thì không những ngài gây ráng chúng-sinh đều có Phật tính như Ngài, Ngài là Phật đã thành, chúng-sinh là Phật chưa thành ; mà Ngài thực-hành bỏ các giai-cấp, cho những người thụ-giới, đều được đội tên họ Thích-ca như Ngài cả, ông Ưn-ba-ly là người thợ cạo trong cung nhà vua, mà thụ-giới trước, thì những ông Hoàng là em Ngài thụ-giới sau đều phải ngồi dưới, như thế thì bình-đẳng biết là nhường vào ! Thuyết tự do thì ngài mở đường phươg-tiện, thụ-giới từ lúc đồng niêu cũng được, hoặc là bán thể mới thụ-giới cũng được, đều có thể tu đạo thành bậc Bồ-tát được cả, như thế thì tự-do biết là đường nào ! Bác-ái, thì không những ngài phát-nguyện muốn độ cho chúng-sinh tránh khỏi trầm luân

khổ-bổ, mà ngài yêu thương bọn hạ lưu, muốn bài - trừ cái ác-tập mãi-nó đời bấy giờ, để cho phải bình dân và phải nô-dần đều được giải-phóng, cùng hưởng thanh-phước xung-xướng thì bác-ái biết là nhường nào ?

Đốn là Phật-giáo ra ngoài thế-giáo, mà gồm cả việc trong thế-gian, như kinh Pháp hoa nói rằng : «nhược thuyết trị-thế ngữ-ugôn, tư sinh nghiệp đấng, giai thuận chính pháp, nghĩa là : nói đến những việc cai trị ở đời, và những việc nghề nghiệp làm ăn để danh kể sinh nhai đều là những việc thuận với chính-pháp của đạo Phật cả.

Ấy bởi những lẽ đó, cho nên chúng ta phải nêu tôn-tôn-giáo nhà Phật.

Nay chúng ta tin ngưỡng Phật - giáo, tức là đề phàm-minh Không - giáo ; trừ ra những lễ thiêng liêng, mầu-nhiệm, như những thuyết luân-hồi, thuyết siêu độ-thuộc về sự chết, đều là người ta không trông thấy, hoặc có người không tin ; đây tôi chỉ xin nói « Phật-giáo quan-hệ về sự sống của người ta ở đời » thì Phật-giáo không khác gì Không-giáo ; như là : giới-sát tức là nhân, giới đạo tức là nghĩa, giới dâm tức là lễ, giới vọng-ngữ tức là tín, giới âm-lưu tức là trí ; và Phật giẫy báo đáp cha mẹ, từ ân, tức là hiếu, dền ơn đất nước tức là trung ; kinh Thiện-sinh giẫy người ta những đạo vợ chồng, anh em thầy trò tức là giáo-lý thuộc về ngũ-luân ; vậy ta theo Phật-giáo, tức là ta tuyên dương lại Không-giáo, và bảo tồn cái tinh túy nền cổ học của cõi Á-đông ta, của người Việt-nam ta.

Nếu chàng ta thực chân-chính tin ngưỡng Phật-giáo, thì trong gia đình xã hội, thuộc về tâm tuấn là phần bói, đều có đức hạnh, có trí-tuệ, trong bụng lúc nào cũng được yên-tĩnh thần nhiên, không phải lo-sầu về những việc mưu đồ quá phận, không có phiến-não về những việc dục tẩu lưu-danh ; về thân thể là phần xác, thì không giết hại lẫn nhau, không dâm loạn lẫn nhau, không có phi báng lẫn nhau, không có say sưa loạn-tinh, như thế thì không ai phạm điều tội lỗi, đều được

hưởng phúc thái bình, chớ hay lâm du? Vả lại suy rộng cái nghĩa bình đẳng thì người giàu sang không nên khinh kẻ nghèo hèn; tự do thì đừng lấy thế lực làm phiền nhiễu sự tự do của quần chúng; bác ái thì lập các hội thiện. làm nhà Tể-bần, nhà Due-anh, nhà Da-iữ, góp vốn lập ra các xưởng công nghệ, để cho hạng lao-lộng có việc làm ăn, nếu gặp lúc hoạn nạn, thì cùng cứu vớt nhau. như nạn nước lụt hỏa-tai thì cùng nhau xuất tiền phát chẩn, trong Giáo-hội Bắc-kỳ ta gần đây đã làm được một vài việc từ thiện, đều là thế theo cái lòng từ-bi bác-ái của nhà Phật cả.

Hoặc người nói rằng: học đạo Phật để nhường cho các cụ già cả, chứ bọn thiếu niên mình đương bận các việc doanh sinh, dỗi đầu mà nói đến việc tu hành? nói thế là nhầm, đạo Phật cốt ở làm điều lành, bỏ điều ác, cứ tu ở nhà, cũng có thể thành được bậc tại-gia bồ-tát sở dĩ đến chùa lễ bái tụng niệm, là vì ở nhà công việc bề bộn ta n hều không được rảnh rỗi, cho nên bớt ra mấy giờ để lên chùa tâm thần được yên tĩnh; vả lại trông thấy Phật tượng thâm nghiêm, cũng hình như là trông thấy chư Phật ngồi ở đấy, dễ mình sợ hãi mà tu tỉnh; nếu không tu trì lúc thiếu niên, thì đến già sấm hối sao kịp?

Có người nói rằng: học đạo Phật để nhường cho các nhà giàu sang, còn như người nghèo hèn, làm ăn chật hẹp, còn nói gì đến việc tu-hành; nói thế cũng là nhầm. Phật pháp phổ độ có bậc tài thí, là những người giàu sang có tiền đem bố thí, như làm cầu sửa quán, phát chẩn cứu khẩn; nhưng đạo Phật lại còn bậc pháp thí và vô úy thí nữa, chứ nếu chỉ có tài thí thì người nghèo không được làm phúc ư? Pháp thí là mình biết điều hay nên dạy bảo người ta thấy người có đức giáo, nên khuyên răn người ta; vô-úy thí là có can đảm bố thí không sợ hãi gì, như thấy người chết đuối, nhẩy xuống mà vớt lên, thấy nhà hỏa tai, thì sấn vào mà cứu chữa

thấy người nào bị kẻ cường-lực ăn hiếp, thì cầu thiệp bênh vực người ta, cũng là những việc từ thiện, như không nói xấu người, không mửa hai người, vãn vãn, tóm lại, làm việc gì không hồ thẹn với lương tâm, tức là học đạo Phật; những việc đó, có phải mất tiền mua đâu? mà công-đức có lẽ không kém hoặc lại hơn những người có tiền bố thí, cũng nên.

Hoặc có người nói rằng: học đạo Phật nhường cho các bậc nhân tài, các người hào đạt, chủ mình đương đi học, đương làm việc quan, đương bán buôn bán, thì rồi đâu nói việc tu hành; nói thế cũng là nhằm đi học mà cầu được khoa danh, làm việc quan mà cầu được thăng tiến, buôn bán mà cầu được giàu có, đều là trong bốn phận mình đáng được, nếu đi học mà ghen ghét người hơn mình, lập tâm làm cho người ta hỏng; làm việc quan mà đừng tàn hại người ta mà cầu thăng tiến, buôn bán mà đừng đong đầy bán với đê cầu chóng giàu; thế đều là bỏ được cái bệnh tham, sân, si, tức là học đạo Phật đây.

Tôi ước ao rằng: trong nước ta tín ngưỡng Phật-giáo được như lúc Khổng học thịnh hành, không phải đợi đợi lập hội tuyên truyền, không phải đợi đợi đăng đàn diễn thuyết, mà từ chốn thành thị đến chốn thôn quê, nhà nào người nào cũng đều đọc kinh giảng sách, như học đạo Nho ngày xưa; nếu được như thế, Phật-giáo phổ-thông khắp cả toàn quốc, hay biết chừng nào! Mong lắm thay, mong lắm thay. Nam-mô A-Di-Đà Phật

Chi hội Phật-giáo Nam-định

VIỆT-NAM THIÊN-FONG THẾ-HỆ
(liếp theo)

2. Thần - nghi Thiên - sư

Thần-nghi Thiên-sư trụ-tri chùa Thăng-quang, làng Thổ-trung, Kim-bái. Vốn quê Người ở làng ngoại-trại, nhà

họ Quách, họ ấy đời đời tu lối Phạm-hạnh mà vưỡn đề
lộc dài là một lối tu mới có ở nước ta. Thần-nghi Thiên-
sur thờ Lục-tổ Thường-triều Thiên-sur, khi Thường-triều
Thiên-sur sắp-tịch, Thần-nghi hỏi thầy rằng :

— Đương cái thời-liết anh em chúng tôi học thầy vui
về thế này, sao thầy cũng theo cái sự chết như thói tục
bỏ chúng tôi đi thế ?

Thường-triều Thiên-sur nói :

— Ông biết được những ai là không theo thói tục ?

Thần-nghi thưa :

— Tổ Đạt-ma chứ ai.

— Tổ Đạt-ma có sự gì là lạ không ? Thường-triều Thiên-
sur hỏi thế. Thần-nghi thưa :

— Người, một mình bay về phương tây.

— Có cái gì làm chứng có ?

— Người bỏ sót lại một chiếc giày ở trong áo quan.

— Có đích thực như thế không ?

— Việc ấy chính vua Trang-đế đã mở áo quan ra xem
thấy đích thực, chứ không phải là câu chuyện hư-truyền.

Thần-nghi nói đến đây. Thường-triều mắng to lên rằng :

— Chỉ là chuyện : một con chó cắn bócg, rồi trăm
nghìn con khác cắn theo.

Thần-nghi hỏi :

Thế thì Hòa-thượng cũng tùy tục hay sao ?

— Phải tùy tục chứ. Thường-triều Thiên-sur giả lời.

Thần-nghi lại hỏi :

— Vì sao lại phải như thế ?

— Vì tội cũng cùng loài với người ta.

Thường-triều nói câu ấy thì Thần-nghi chợt tỉnh ngộ
ngay ra, liền sụp lạy xuống mà bạch rằng :

— Thế ra Mỗ con đây thực hiểu lắm.

Thường-triều Thiên-sư quát to lên mà đuổi ra.

Thần-nghi lại thưa rằng :

— Mỗ con hầu-hạ Hòa-thượng đã lâu năm mà không biết được ai là người bắt đầu truyền ra đạo này. Vậy xin Hòa-thượng dạy bảo cho biết những thế-thứ đã trao truyền về đạo này, ngõ hầu cho kẻ học giả sau này được biết nguồn gốc.

Thường-triều Thiên-sư nghe Thần-nghi nói biết ông có lòng thành khẩn, bèn lấy ra một bản đồ ký do Thông-biện Thiên-sư đã đối triều và đã chép đủ trong tổng phái phân chi kể thống thế nào, đưa cho Thần-nghi xem. Xem xong Thần-nghi hỏi :

— Hai phái Nguyên-đại-điền và Nguyễn-bát-nhã không thấy chép vào đây là vì cớ gì ?

Thường-triều Thiên-sư đáp :

— Đó chắc là Thông-biện Thiên-sư Người đã nghĩ kỹ lắm rồi.

Đến năm Kiến-gia thứ 6 nhà Lý, Bình-ti, tháng 2 ngày 18, Thần-nghi đem bản Truyền-pháp thế thứ đồ ký ấy trao cho người đệ tử là Ân-không mà dặn rằng :

— Nay đương khi loạn lạc, ông phải giữ lấy quyển sách này cho cẩn thận, chớ để cho binh hỏa làm hoại đi thì Tề-phong nhà ta mới không thất lạc đi mất.

Nói xong, Người ra đi, đi thẳng một mạch không ai biết là Người đi đâu mà cũng không ai thấy Người trở về nữa. Còn Ân-không thì đến ở hạt Lạng-châu hiệu là Gia-ngạn Đại-sư 耶岸大師.

(còn nữa)

Đ. N. T.

GIẢNG KINH THẬP - THIỆN

(tiếp theo)

4 LẤY CÁC LOÀI Ở BỀ LỚN LÀM CHỨNG

今 大 海 中 所 有 眾 生。
Kim đại hải chung sở hữu chúng sinh.
nay lớn bề trong thừa có mọi sống
nay trong bề lớn thừa có chúng sinh
形 色 粗 鄙, 或 大 或 小,
hình sắc thô bỉ hoặc đại hoặc tiểu
hình sắc thô bỉ, hoặc lớn hoặc nhỏ,
hình sắc thô bỉ, hoặc lớn hoặc nhỏ.
皆 由 自 心 種 種 想 念,
giai do tự tâm chủng chủng tưởng niệm,
đều bởi từ lòng thứ thứ tưởng nghĩ.
đều bởi những thứ tưởng nghĩ,
作 身 語 意, 諸 不 善 業,
tác thân ngữ ý, chư bất thiện nghiệp,
làm mình nói ý, mọi chẳng lành nghiệp ấy,
làm mọi nghiệp thân ngữ ý chẳng lành,
是 故 隨 業 各 各 受 報.
thị cố tùy nghiệp các các thụ báo
cho nên theo nghiệp đều đều chịu báo
cho nên theo nghiệp đều đều chịu báo.

« Nay xem các loài trong bề lớn này, hình sắc thô bỉ hoặc lớn hoặc bé đều bởi những mối tưởng niệm trong tâm mình mà khiến cho thân miệng ý làm mọi điều chẳng lành, cho nên phải tùy nghiệp mà tự chịu quả báo ».

5 KẾT LUẬN KHUYÊN NÊN TU HỌC

汝 今 常 應 如 是 修 學。
nhữ kim thường ứng như thị tu học
mày nay thường nên bằng ấy sửa học,
nay người thường nên tu học như thế,

亦令衆生了達因果，
 diệp linh chúng sinh liễu đạt nhân quả，
 cũng khiến mọi sống hết xuất nhân quả，
 cũng khiến chúng sinh thấu xuất nhân quả，
 修習善業，汝當於此
 tu tập thiện nghiệp như đương ư thử
 sửa tập lành nghiệp này nên chung ấy
 tu tập nghiệp lành, người nên đối với
 正見不動，勿復隨在
 chính kiến bất động vật phục đọa tại
 ngay thấy chẳng động chớ lại rơi ở
 phép chính kiến chẳng động, chớ lại xa vào
 斷常見中，於諸福田，
 đoạn thường kiến chung, ư chư phúc điền
 dứt thường thấy trong, chung mọi phúc ruộng，
 trong vòng đoạn kiến thường kiến, chung mọi ruộng phúc，
 歡喜敬養，是故汝等，
 hoan hỷ kính dưỡng, thị cố như đẳng
 vui mừng kính nuôi, thế cho nên các người，
 亦得人天燈敬供養。
 diệp đắc nhân thiên tôn kính cúng dưỡng。
 cũng được người trời tôn kính cúng nuôi。
 cũng được người trời tôn kính cúng dâng。

* Nay ông nên phải thường thường tu học như thế, cũng phải khiến cho chúng sinh hiểu thấu nhân quả tu tập nghiệp lành. Đối với đạo ấy, ông nên thủy chung giữ vững lấy phần chính kiến, đừng cho sao động, đừng có đọa vào hai phần thường - kiến đoạn kiến, đối với các ruộng

phúc. phải vui vẻ cúng kính cúng dàng, vì thế nên các ông cũng được cõi nhân cõi thiên tôn kính cúng dàng ».

(Nghĩa là phải theo chính kiến thấy biết đúng lý phải) mà tu tập nghiệp lành liêu thấu nhân quả, đứng đờ cho cái tà kiến (thấy bậy) nó làm rung động. Tà kiến là hai phần thường kiến và đoạn kiến. Đoạn kiến nghĩa là không tin nghiệp quả cho rằng người ta chết thì hết, cho nên mới túng túm làm ác không sợ quả báo về sau; Thường-kiến nghĩa là cho rằng muốn sự muốn vật ở thế gian đều có lệ nhất định, như người thì cứ kiếp kiếp đời đời làm người, trâu ngựa cứ kiếp kiếp đời đời làm trâu ngựa, làm ác làm thiện không có quan hệ gì với cái thân này cả. Nếu ai không đủ trí tuệ hiểu rõ cái nghĩa nhân quả đề chuyện tu nghiệp lành mà muốn khỏi đọa vào tà kiến, thì nên tự xem xét thân cho thấy rõ thân ta là không có thường, tâm ta là không có chủ chương, thấy rõ mọi phép như trở đổi, tùy tâm gây nên nghiệp, phải chịu báo thể mới là thấu rõ cái nhân tướng nhân quả vậy.

Ruộng phúc 福田 là cái ruộng nở ra phúc đức, có ba thứ ruộng phúc. 1. ruộng kính 敬田, nghĩa là đối với chư Phật bồ tát và sư trưởng mà cúng kính thì được phúc; 2. Ruộng ơn 恩田 nghĩa là cha mẹ có ơn với mình, mình biết hiếu thuận thì được phúc; 3. Ruộng thương 悲田, nghĩa là đối với chúng sinh khổ não thương xót cứu giúp thì được phúc. Trong ba thứ ruộng ấy mà hay vui vẻ cúng dàng, thì sẽ được hưởng cái quả sướng cõi nhân cõi thiên đều tôn kính cúng dàng

B. — NÓI RÕ VỀ PHẦN CHÍNH

MƯỜI NGHIỆP THIÊN (chia làm ba)

1. NÊN TỎ CÔNG DỪNG CỬA THIÊN PHÁP

龍王當知! 菩薩有一

Long vương đương chi? bồ tát hữu nhất

long vua nên biết! bồ - tát có một

long vương nên biết! bồ - tát có một

法 能 斷 一 切 諸 道 苦,
pháp năng đoạn nhất thiết chư đạo khổ
 phép, hay dứt một thiết, mọi đường khổ,
 phép, hay trừ sạch hết mọi sự, khổ cho các ngã,
 何 等 爲 一 ? 謂 於 晝 夜
hà đẳng vi nhất? vị ư chú dạ,
 gì những làm một? bảo chúng ngày đêm,
 gì là một? nghĩa là ngày đêm,
 常 念 思 惟 觀 察 善 法,
thường niệm tư duy quan sát thiện pháp.
 thường nghĩ nghĩ bùi xem xét lành phép,
 thường nghĩ nghĩ luôn, xem xét phép lành,
 令 諸 善 法 念 念 增 長.
linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng
 khiến mọi lành phép, nghĩ nghĩ thêm lớn,
 khiến cho phép lành, luôn luôn thêm lớn,
 不 容 毫 分 不 善 聞 見,
bất dung hào phân bất thiện gián tạp.
 chẳng dung hào phân chẳng lành sen lẫn,
 chẳng dung sen lẫn một tí khôn, lành nào vào
 是 卽 能 令 諸 惡 永 斷,
thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn.
 ấy là hay khiến mọi ác giải dứt,
 ấy là hay khiến mọi sự ác đoạn
 善 法 圓 滿 常 得 親 近
thiện pháp viên mãn thường đắc thân cận
 lành phép tròn đầy thường được thân gần
 hần, phép lành đầy đủ thường được thân gần
 諸 佛 菩 薩 及 餘 聖 眾
chư Phật bồ tát, cập dư thánh chúng
 mọi Phật bồ tát, kịp thừa thánh lũ.
 chư Phật bồ tát và các thánh chúng khác.

(câu nữa)

TÂY - VỰC KÝ

(tiếp theo)

Mọi người đều trng. đến bạch với vị sư. Vị sư ấy nói : « Các người muốn có nước uống, thì nên lễ Phật mà thụ tam-quy ngũ-giới đi, rồi ta sẽ lên cồn tháo nước xuống cho các người uống ». Đến cơn nguy khốn chúng đều nghe cả. Thụ giới xong, vị sư bảo rằng : « Hãy ta lên trên cồn rồi, thì các người nên gọi luôn rằng : « A-U-S-phụ, tháo nước xuống cho chúng con ». Dặn xong vị sư leo lên trên cồn, mọi người cứ theo đúng lối dặn mà gọi, quả nhiên thấy nước chảy xuống, ai nấy đều vui vẻ vô cùng. Chúng chờ mãi không thấy vị sư xuống, mới leo lên xem, thì ngài đã tịch rồi. Chúng đều gào khóc thảm thiết, báo nhau làm lễ hỏa táng, rồi xếp đá lại, đắp thành cái tháp ở ngay chỗ ngài hóa. Cái tháp ấy bây giờ hãy còn, mà cái suối cũng vẫn còn, hành khách qua lại, tùy số nhiều ít mà chảy ra, lúc không có người thì chỉ thành một đôi giọt mà thôi.

Pháp-sư cùng mọi người ngủ ở bên suối một đêm. Ngày mai ra đi, lại qua núi Ngâu-sơn. Núi rất cao, có nhiều mỏ bạc, tiền bạc các nước Tây-vực dùng đều lấy ở đây cả, qua núi gặp một toán cướp, chúng cho nó ít của, nó đi. Gần đến Vương-thành thì tôi, phải ngủ cả bên bờ sông. Có hai, ba chục lái buôn muốn đi vào thành trước để tranh mỗi hàng, nửa đêm cất lên ra đi. Quá độ hơn mười dặm, gặp lũ kẻ cướp, bóc lột hết sạch cả của, lại giết cả người, không một người nào sống sót. Đến lúc bọn pháp-sư đi đến chỉ còn trông thấy xác chết ngổn ngang, càng lấy làm thương thay cho cái hại tham tài.

Khi đến Vương thành, có vua nước A-kỳ-ni và các bề tôi ra đón, cũng dang cũng rất tử tế, Nước ấy trước đã bị nước Cao-xương xâm lấn, nên hãy còn thù, không chịu cấp ngựa cho.

Pháp-sư ngủ trọ lại một tối rồi đi, qua 2 con sông lớn, lại đến đồng-bằng. Đi và tránh dậm, đến cõi nước Khuất-chi (vua gọi là Quy-tư).

Đi tới Vương-thành vua cùng quần thần và các vị đại đức tăng Mộc-xoa Cúc-đa ra đón. Ngoài thành lại có mấy nghìn vị tăng, căng màn làm rạp ở ngoài cửa Đông, bày ban thờ Phật, cử nhạc vang lừng, đón tiếp Pháp-sư.

Khi Pháp - sư tới, chư tăng đều đứng giẫy chèo, an úy xong, ai nấy về chỗ ngồi. Một vị tăng bưng một mâm hoa tươi đến đưa cho Pháp-sư. Pháp-sư đón lấy, bưng đến trước tượng Phật, làm lễ tán-hoa. Tán xong, ngồi dưới ghế Mộc-xoa Cúc-đa. Một lát, lại làm lễ, dâng nước, hồ-đào. Lần lượt làm lễ, đến quá chiều mới xong. Các sư đầu lại tan về đây. Ở đây có hơn 30 vị sư người ở Cao-sương sang tu ở đây, ở riêng một ngôi chùa về phía Đông nam trong thành; mới mời Pháp-sư đến chùa nghỉ.

Ngày mai vua mời Pháp-sư vào trong cung, bày đủ các món cúng dàng và cả món tam-tịnh (1. Không trông thấy các cảnh chúng sinh bị thọt, 2. Không nghe thấy tiếng súc sinh bị thọt 3. Không biết người ta giết để thết mình, gọi là một món thọt tam-tịnh, luật Tiểu-thừa được ăn). Pháp sư không ăn. Vua lấy làm lạ lắm, mới hỏi : Vì có gì ? Pháp sư nói : « Phép này là phép Phật chế cho người mới tu Tiểu-thừa, còn bản đạo học về Đại-thừa, không thể thế được ». Rồi Pháp-sư ăn các món chay khác.

Ăn xong, qua sang phía Tây-thành, đến chùa A-sa-lý-nhi (chùa Ki-dặc), là ngôi chùa của Mộc-xoa Cúc-đa ở.

Cúc-đa là người học thức mình mẫn, ở vùng ấy đều quy phục, từng sang du-học Ấn độ hơn 20 năm, các kinh luận đều thiếp liệp, mà môn học thành-minh lại rất giỏi. Vua và cả nước đều tôn trọng, gọi là Độc-bộ (có một).

Thấy Pháp-sư đến, cũng đãi như khách thượng, chưa biết học lực của Pháp-sư thế nào, mới bảo Pháp-sư rằng : « Ở đây tuy không phải là cõi Phật, nhưng các kinh luận Câu-xá Ti-bà-sa đều có cả, học cũng đủ lắm rồi, không phiền phải sang Tây làm gì cho thêm tốn khổ ». Pháp-sư hỏi : « Ở đây có Du-già luận không ? » Cúc-đa nói :

«Thầy hỏi bộ sách tà-thư ấy làm gì ? Người nào là đệ-tử Phật thực, không có học bộ sách ấy ». Pháp-sư trước còn kính nể, đến lúc nghe nói như thế, liền khinh như rác mà nói rằng : « Bà sa, Cầu xá, nước tôi cũng có rồi, chỉ hiềm lời nông lý hẹp, chưa được ròi rào, cho nên mới đi, để mà học cho rõ nghĩa Đại-thừa Du-già mà thôi. Và lại bộ Du-già, chính thân ngài Di-lặc Bồ-tát thuyết ra, nay cho là tà-thư, có lẽ không sợ tội báng-láo vô cùng kia ư? » Cúc-đa nói : « Các bộ như Bà-sa kia, các thầy chưa hiểu, sao dám nói rằng không tham ». Pháp-sư hỏi : « Thế Tôn-sư đã hiểu chưa ? » Cúc-đa nói : « Ta hiểu hết rồi ». Pháp-sư liền đem một đoạn văn đầu quyển Cầu xá luận ra hỏi. Thoạt nói đã sai rồi, hỏi vặn lần nữa, sắc mặt biến hẳn và nói : « Thầy hãy hỏi một đoạn khác xem ». Pháp-sư lại hỏi một đoạn nữa, cũng không hiểu, và cãi trong Luận không có câu ấy. Bấy giờ chú vua là Trí-nguyệt, cũng xuất gia, cũng hiểu Kinh Luận, ngồi dự thính ở bên, liền nói rằng : « Trong Luận quả có câu ấy ». Nói rồi tìm sách ra đọc. « Cúc-đa hồ thẹn quá nói rằng : « Tôi già nhãng quên mất ». Pháp-sư lại hỏi tới sang bộ khác, cũng không có chỗ nào cao-kiến hơn người.

Lúc đó vì tuyết đông lấp đường, không thể đi được, phải lưu lại hơn 60 ngày. Khi đi vẫn cảnh. lúc nhân lại đến thăm Cúc-đa. Khi gặp nhau, Cúc-đa không dám ngồi làm kiêu nữa, có khi lại lần không tiếp truyện và nói riêng với mọi người rằng : « Nhà sư Tàu kia, khéo đối đáp với mọi người được, nếu sang Ấn-độ, thì những bọn thiếu niên tinh tiến, chưa dễ đã ăn đứt được ». Xem thế đủ biết Cúc-đa cũng sợ Pháp-sư biết chừng nào !

Đến ngày đi, vua cấp cho ngựa và lạc-đà, lại cùng tăng tục đều tiễn chân đi.

Đi được 2 ngày, bỗng gặp toán giặc Đột quyết ; hơn 3000 quân kị, đang ngồi chia của đã cướp được của các hành khách. Vì không chia đều, bất bình tự đánh lẫn nhau, rồi tan đi.

Đi 6, 7 dặm nữa, qua một bãi cát nhỏ, đến nước Cỏ
mặc (Bạt-duyên-ca), ngủ lại một đêm.

Lại đi về phía Tây Bắc chừng 300 dặm, qua một bãi
cát, đến núi Lăng sơn, tức là phía Bắc núi Tuồng-tiêu.
Núi hiem hóc lạ, cao ngất tầng mây. Từ khi có núi đến
nay thường có giá tuyết, tích lại thành núi Tuyết. Mùa
xuân mùa hạ cũng không tan, giót thành một tầng lộng
với bóng mây, trông chỉ thấy trắng toát một màu, không
biết đâu là bờ. Đứng về mé bên mà ngắm, thì có chỗ
cao đến trăm thước, rộng đến 3, 4 trượng. Vì thế đương
núi gồ ghề, đi rất gian hiểm. Lại thêm gió thổi tuyết
bay, mặc đến mấy lần áo cừu, cũng vẫn rét run cầm
cắp. Có muốn ăn ngủ, cũng không có chỗ nào khô ráo
mà đỗ, đành phải treo nôi lủng liềng ở trên không mà
đổi lửa thổi cơm, nhọc quá thì ngồi liền trên băng mà ngủ.

Rong rã 7 ngày, mới ra khỏi núi. Tr. ng một toán đi,
chết rét đến 3 4 phần 10, Trâu, ngựa lại càng chết nhiều
lắm. Ra khỏi núi rồi, đến một cái ao nước trong, tục
gọi là Nhiệt-hải, nghĩa là ở gần núi Tuyết mà không giá
đông, cho nên gọi thế, chứ thực ra nước cũng không
nóng. Cái ao này vòng quanh lối 1 ngàn 4, 5 trăm dặm.
Phía Đông phía Tây giải, phía Nam phía Bắc hẹp, trông
có vẻ mình mang bát ngát lạ. Bất cứ lúc có gió gù
hay lúc thường cũng đều có sóng dữ, cao vọt đến 2, 3
trượng.

Men theo bờ ao đi về phía Tây-bắc, hơn 500 dặm, đến
thành Tổ-diệp, gặp vua Diệp-hộ Khả-hồn nước Đột-quy,
đang đi săn, lừa ngựa rất nhiều. Khả-hồn mình mặc áo
nhiều xanh, tóc giải hơn trượng, lấy lụa quấn vòng quanh
đầu, bỏ râu sang hai bên chán. Quan hầu có đến hơn 100
người, đều mặc áo gấm và quần tóc, xúm xít xung quanh.
Còn các quân lính thì đều mặc áo lông, cung tên, giáo
mác, cờ sí ngựa xe, trông không xiết nữa.

(còn nữa)

GIẢ NỢ TẠO - QUAN - KÝ KHỔ ÂM - PHỦ



Thuyết này cũng do bọn tà đạo nhằm nhĩ ở Tầu phịa đặt ra, để lợi dụng lòng mê tín của phái ngu phu ngu phụ, sau truyền sang nước ta gặp những kẻ buôn thần bán thánh bói toán rước lấy cho là Phật dạy những người nhẹ dạ tưởng thật không kịp xuy xét gì thấy nói Phật là tin, thế rồi bao nhiêu của bỏ hỏi nước mắt đem vất xuống sông, không còn thấy tăm hơi gì cả, mà vẫn dương dương tự đắc là ta làm được việc tốt lành để dành của đến sau chi dụng, rồi lại khuyên cả anh em chị em bè bạn theo mình đem của đồ đi là khác nữa, kỳ thật ở trong sách Phật thật không thấy qua chỗ nào dạy người ta làm như thế cả, chính những các học tu hành đắc đạo, xem thuyên liễu ngộ rồi cũng đều bài trừ thuyết đó như ông Vương-nhật-Hưu (long-thư) đời nhà Tống ông đỗ tiến-sĩ làm quan đến quốc-học sau ông mộ Phật chuyên tâm tu tịnh độ ông có làm bộ sách tên là Long-thư lưu truyền ở đời, trong ông cũng có bài xích thuyết ký-khổ âm-phủ. ông bảo ông khảo cứu khắp trong ba tạng kinh của Phật cũng không thấy chỗ nào dạy thế, xem thế đủ rõ là thuyết ấy không phải ở trong đạo Phật, và lại Phật dạy ta bất cứ nghề một sự gì cũng phải xuy xét cho thấu đáo nghĩa lý xem có hợp không rồi sẽ theo, chớ nên tin nhằm theo càn mà bị hại.

Vậy ta cứ xét ngay việc giả nợ tạo quan xem sách nói về thuyết đó, chỉ dạy rằng: người sinh năm giáp-tỵ là thuộc về sao Tất, ở cung chấu, tức là ngôi kim rất nguyệt ở cái ac ở dĩa bề. Ngày trước sinh ở nước Lỗ làm quan phụ-lá đúp việc thành-vương, tình hay làm các việc phúc thiện nay sinh ra làm người học nhiều nhưng ít khi thành đạt, lúc còn bé hay có chứng cật eo, ít anh em, có con người con lớn hay xa cha mẹ, còn dân bà thì lính khi ốm lờa thổng mình vui vẻ. Người hay có tài mà được giàu sang, phẩm người sinh năm giáp-lý đều thiếu nợ hai vạn ba nghìn quan và ba chục

quyền kinh, nay đem giả vào kho thứ ba giao cho ông chủ kho người họ Đoài nhận, thì sống lâu được đến năm 75 tuổi, người sinh năm Ất-sửu cho đến thứ sáu mới là quý hội, mỗi năm thuộc một ông sao một chỗ ở hơi khác nhau, như người đời trước ở nước Tề, người ở nước Sở, nước Ngụy, nước Ngô chẳng hạn, người thì làm vua làm quan cho đến sĩ nông công thương hoặc tăng ný đạo sĩ, số tiền cũng mỗi tuổi khác nhau ít nhiều, nhưng quanh đi quẩn lại cũng chỉ trong vòng sáu mươi tuổi từ Giáp-tý đến Quý-hợi rồi lại bắt đầu là Giáp-tý mà thôi.

Vậy xin hỏi khắp thế-giới ai sinh năm Giáp-tý cũng đều là đời được làm quan mà ở nước Lỗ cả hay sao? mà trước khi chưa có nước Lỗ thì người ta ở đâu làm gì mà nợ ấy ai là người đứng cho vay, cho vay có vấn tự không? mà người vay để làm gì? hay vay cũng có người nhiều người ít chứ sao lại cũng giống nhau làm sao? thế mà cho vay tất phải hạn bao nhiêu năm mỗi năm lãi mấy phân phải có gì là chắc chắn cả, ngộ như người vay sinh ở nước văn minh không tin sự đốt mã thì đòi về đâu, cũng như ông quan lớn là người nước Pháp, ông ấy biếu nay rất sẵn tiền mà ông ấy cũng sinh trong vòng sáu mươi năm trong hội Giáp-tý, thế sao không thấy số tào-quan nào đến đòi nợ tiền kiếp của ông ấy là sao? sao lại cứ lần lần xin mấy người thầy bói làm khách nợ đòi mấy người tin sự bói toán nhằm nhá, thì những người ấy có khi ít tiền không đủ giả, vậy có tổn công không, mà còn bao nhiêu người không giả sao vẫn thấy yên, lại còn những người giả rồi hỏi xem có ai nhận được biên lai của ông chủ kho không, nếu không lấy biên lai cần thận ngộ ông ấy quên cho là chưa giả thì làm thế nào? xét những lý hiển nhiên đó có thể tin chắc chắn là thuyết giả nợ tạo-quan là huyền hoặc không nên tin, mà không phải là ở trong đạo Phật.

Còn như bảo theo lời các thầy bói.

Vậy tôi không phải là người học về môn bói nhưng tôi xin đoán hộ các độc-giả một quẻ rồi các ngài ngẫm xem có đúng không. Xem về tiền vận và âm phần mờ mờ từ bao nhiêu đời trước đến giờ trong nhà các ngài có lúc thịnh lúc suy không nhất định, các cụ tiền nhân từ 3 4 đời về trước phần nhiều qui tiên cả, mà các nỡ mà đều dễ xuống đất hết không ai đào bởi đến thì vẫn yên, nếu có ai xâm phạm đến thì động ngay. nói về hiện tại cũng có lúc đủ lúc thiếu, nhà nhiều người cũng có lúc có người khó ở, nhưng gặp thầy gặp thuốc thì lại yên ngay, nếu không gặp thầy hay thuốc tốt thì cũng có điều quan ngại. Nói về hậu vận về tương lai nếu cả nhà trên dưới thuận hòa chăm chỉ làm, ăn sên đề danh, làm nhiều việc thiện, thì thế nào cũng khá, còn nếu cả nhà chỉ ăn đưng ngồi rồi con cháu thuận lười biếng chỉ ăn hoang phá hại chơi bởi lêu lộng thì thế nào của cũng một ngày một sút, còn sự buồn bán nếu không cẩn thận tất bị lừa dối, vì đời này có nhiều người quý quyết lắm, trong nhà giàu có cần phải đề phòng cẩn thận không thì quân dân dòm dò chứ không không.

Còn về đường tử tức không sinh con giai tất sinh con gái nhưng nếu người con ấy không dạy bảo cho đến nơi đến chốn sau này tất thành người hư hỏng phá hại gia đình làm nhục nói giống, ấy tôi xin đoán đại khái vài câu xin các ngài nghĩ xem có đúng không, nếu trong 5 câu mà đúng 1, 2, thì ai hay có tính xem bói cho là hay lắm hẳn.

Còn thuyết ký khố âm phủ cũng thế, có nhiều người sợ khi chết đi không ai đốt mã cho, nên làm được đồng nào bóp mồm bóp miệng, đề dành đề dụm của vàng mã đốt xuống âm phủ đề sau chết xuống có của dùng ngay, đó là các vị có của lại biết lo xa, xong xét ra việc ấy lại càng có hại mà không có ích chi cả, người ta sinh ra đời này trừ các bậc thánh nhân ra, đã mấy

người biết được lẽ sinh tử từ đâu mà sinh lại, sau này chết đi rồi sẽ đi đâu; đến đức Khổng tử cũng phải nói là chưa biết hướng chi người ta, mà đã chắc là xuống âm-phủ hay sao, nếu quả xuống thật mà gửi của thì các vị gửi vào đâu? ở sở ấy có biên nhận không, có biên lai cho không, ta vẫn nói âm dương đồng nhất lý, nghĩa là ở đâu, cũng theo lẽ phải là lý công bằng cũng như ta gửi của nhà băng cũng phải có hình ảnh chữ ký và giấy chứng nhận chắc chắn lắm mới lấy ra được, chứ có phải cứ vất của vào đấy rồi sau muốn lấy lúc nào thì lấy được đâu, hướng chi âm dương cách biệt, bây giờ mình gửi xuống mà không có gì của người nhận làm bằng, sau này xuống thì nhận làm sao được, mà mình gửi ở kho này, sau này chết xuống địa phương khác hay ở đây đổi người làm rồi thì lĩnh thế nào được, nếu ở dưới ấy không lĩnh được mà ở trên này con cháu bạn bè lại tin chắc là đã có của gửi trước nay chẳng thiếu gì, không đốt cho nữa thì bấy giờ làm thế nào, ở vào đâu lấy gì mà dùng, mà khắp thế giới còn bao nhiêu người không gửi của xuống âm phủ thì dùng bằng gì. Cứ xét như thế thì cái thuyết gửi của âm-phủ và giả nợ tào quan cũng như thuyết đốt mã mà tôi đã nói trong báo Duốc-Tuệ, xin các độc-giả suy xét cho kỹ xem có phải toàn là sự hại chứ thật là không có chi là ích lợi cả, thật là gánh vang đem đồ xuống sống, mà lại bị người thờ giả chèn là mê tin, có người không biết lại chèn lấy cả đạo Phật nữa, như thế có phải Phật cũng tin mà ma cũng tin, khi thấy hại lại đồ cho Phật không cửa vót, song có biết đầu Phật dạy một đường mình làm một nẻo, thì còn trách ai được. Nay nếu ai muốn có của để dành đến đời sau không gì bằng đem ra làm các việc phúc thiện mở mang các công việc cứu giúp các người nghèo khổ có cơm ăn việc làm mà của cải của mình mỗi ngày một sinh sôi nảy nở mãi ra lại đem làm các việc phúc thiện, thì cái của đó không bao giờ tan mất được, bởi

vì những người đời nay được giàu sang sung túc đều là do phúc đức đời này đời trước gây lên cả, cũng như đồng cây nên mới được ăn quả, nay về sau muốn có quả ăn mãi mãi tất lại phải trồng cây, chứ nếu nay đem quả đi xướng mong đời sau có quả ngon lành mà ăn quyết không có lẽ ấy. Còn nói đến đạo Phật, ta đã có lòng tin đạo ta nên tin theo một cách chính đáng theo đúng như giáo-lý của Phật dạy mà làm theo thì mới mong được hưởng phần phúc đức ích lợi, phạm sự gì hơi có nghi hoặc ta nên hỏi cho đến nơi đến chốn, và tự mình suy xét cho thấu đạo xem có hợp lẽ phải không đã rồi sẽ làm theo, thì mới có phần ích lợi được.

Trí-Hải

VĂN UYÊN

MỪNG « ĐUỐC - TUỆ » NĂM MỚI

Nhật tân, nhật tân, hựu nhật tân,

Mừng thay Đuốc-tuệ mấy lần nở hoa.

Tối-lâm trong cõi sa-bà,

Hào-quang có bóng Phật-đà soi chung.

*Nhật tân nhi bất dĩ, Màng vô-minh đánh
kỹ cũng quang-minh,*

*Gương hàng năm đuốc-tuệ soi mình. Ai
trong mộng tử-sinh mà chẳng thức !*

Nguyện học tân tâm dưỡng tân đức

Hoàn tùy tân điệp triển tân tri.

*Nào bến mê tân ; nào làn chướng-hải, nào
hôn-cù lối thâm ; nào hắc nghiệp đen sì.*

Bằng đuốc-tuệ chi chi thì cũng rạng.

Đuốc đề đó không soi sao có sáng !

Giọt mây mù thấy quầng tâm-thiên,

Chúc mừng Đuốc tuệ tân niên.

Mộng-chu : Lê-nhữ-Tiếp.

Làng Bộ-la, huyện vũ-tiên Thái-bình

KINH THIỆN - SINH DIỄN - CA

(tiếp theo và hết)

Họ hàng với kẻ thân sơ,
Cũng nên gìn giữ đùng cho giống giải.
Giúp cho trong lúc họa tai,
Giấy răn lại khéo dùng nhờ ngợi khen.
Hạ phương tôi tớ phận hèn,
Việc làm sai khiến cũng nên liệu tài.
Cho ăn cho mặc phải thời.
Cò công nên thưởng chớ hoài kẻ ngoan.
Ốm đau nên liệu thuốc thang
Rộng cho hằng được nghỉ nhàn đôi phen.
Làm chủ phận sự đã nên,
Làm tôi cũng phải vẹn tuyền đạo lối.
Thửe khuya giấy sớm chớ lười,
Việc làm chu đáo trớ coi kỹ càng.
Kính tin chớ giả lỏng giun,
Trong ngoài ngăn nắp mới an việc mình,
Thầy vinh tớ cũng được vinh,
Phải nên khen ngợi mà bênh vực cùng.
Thượng phương là lẽ chư tăng,
Cùng người ta phải siêng năng tu hành.
Thân khẩu ý phải cho thanh,
Rộng lòng bố thí cho thành phúc duyên.
Ngõ nhà đi lại đã quen,
Các ngài lui lời ta nên đón mời.
Sư môn ai đó vì đời,
Giấy răn đàn việt ta thời phải toan.

Can khuyên chớ để làm can,
 Chỉ đường chỉ thiện dắt đàn mè si.
 Cao siêu giáo lý những gì,
 Biết hay chưa biết nên vì giảng cho.
 Cõi trời lồng lộng không bờ,
 Tinh tường lối thẳng dắt đưa mọi người.
 Sáu phương sáu nhẽ ở đời,
 Ai mà giữ đủ là người có duyên,
 Lặng nghe nhời kẻ giảng khuyên,
 Hàng ngày tụng đọc phải chuyển làm lòng.
 Sáu phương đức Phật giảng song,
 Thiện sinh vãi lấy vui mừng siết bao.
 Bạch rằng : nghe thấu tiêu hao,
 Ai ai như hết chiêm bao tỉnh hồn.
 Trừ mê biết nhẽ thiệt hơn,
 Ánh đèn tuệ chiếu trí khôn sáng liền.
 Thế tôn công đức muốn nghìn,
 Cứu cho chúng thoát khỏi miền u minh.
 Con sin một dạ bày trình,
 Trước tam bảo nguyện dâng mình quy y.
 Nào lữ, dâm, sát đạo, khi,
 Năm điều cấm giới tội ghi suốt đời.
 Lấy xin chân giác xét soi,
 Cho con được dự hầu nơi cửa thuyền ».

Phạm tất-Thắng

Giáo-học trường phủ Nam-sách
 Quản lý chi hội Phật-giáo Nam-sách.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre, và biên-bản hội-dồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong Hội đều cúng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tên khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị Hội - viên chỉ hội-Tế-xuyên Hà-nam đã cúng góp lên báo chương đề các thiện-lin, thập-phương chứng giám.

Các Ngải : Phan thị Tý, Trần văn Quý, Đỗ thị Khích, Đỗ thị Nghĩa, Nguyễn huy Toại, Đỗ thị Tâm, Đỗ thị Nhơn, Đỗ thị Nài, Nguyễn đức Bản, Nguyễn đức Vinh, Hoàng thị Dậu, Bùi đình Mọi, Nguyễn văn Ba, Nguyễn thị Chè, Trần thị Xuyên, Từ viết Nghĩa, Nguyễn văn Phú, Nguyễn văn Dầu, Lê văn Du, Trần thị Tự, Nguyễn thị Thượng 0\$50, Đỗ thị Tang 0\$50, Trần văn Ty, Phạm trung Hòa, Lã thị Hiền, Trần văn Tốn, Nguyễn thị Sang, Nguyễn thị Tài, Trần thị Huế, Ngô huy Chiêu, Đới Phố, Trần văn Hợi, Vũ thị Bưởi, Trần văn Hoa, Nguyễn thị Nhiễu, Trịnh văn Tuất, Nguyễn thị Mân, Lê thị Báo, Trần thị Tiếp, Nguyễn thị Đánb, Lê minh Lương, Tạ văn Cơ, Trần thị Tý, Phạm thị Lập, Lê văn Viên, Vũ thị Vuốt, Đào thị Thoan, Đinh thị Liễu, Đỗ thị Trường, Đinh thị Nhơn, Trần thị Bùi, Nguyễn thị Tý, Phạm văn Ba 0\$50, Nguyễn văn Nạp, Cao thị Khiếu, Bà hương Báo, Trần đăng Cư, Trần như Tiết, Nguyễn đức Khuê, Trần thị Cúc, Phạm thị An.

Chi Thanh-hà-Hội-dương

50\$00

Phương danh các vị công đức làm chùa

Hội Phật giáo Bắc-kỷ

Quan Phủ ứng hóa

2\$00

Ông Vũ-dinh-Cần

10.00

Biên bản Hội đồng ban Quản-trị và ban Công-tác Hội Phật-giáo

Ngày 26 Février 1938 ban Quản-Trị và ban Công-tác Hội Phật Giáo đã họp hội đồng tại Hội-Quán chùa Quán-Sứ, số 73, phố Richaud Hanoi.

Đến dự hội đồng có các vị sau này :

M. M. Trần-trọng-Kim, Nguyễn-quang-Oánh, Lê-Dư, Lê-Toại, Trần-văn-Giáp, Dương-bá-Trạc, Nguyễn-văn-Minh, Nguyễn bá-Thảo, Nguyễn-quốc-Thành, Lê-văn-Phúc, Sư cụ Tế Cát, sư cụ Hằng-Sở, sư cụ Giám-Hương sư cụ Phúc-Chỉnh và sư cụ Dương-gia.

Vắng mặt M. M. Trần-văn-Phúc, Cung-đình-Bình, Văn quang-Thụy, Nguyễn-đình-Quê và sư cụ Vô-Thịnh.

Dự thỉnh M. M. Tô-Lan, Nguyễn hữu-Kha và Nguyễn-trọng-Thuật.

Đúng 4 giờ chiều Cụ Lớn Chánh Hội-Trưởng khai hội đồng. Cụ nói : Hội trong năm Cụ Lớn Võ-Hiền có bàn cùng Cụ rằng ý Cụ Võ muốn làm một lễ trai soạn cùng Phật và mời tập phượng thiện tín đến lễ Phật rồi lau lại thu trai, để có thì giờ cho Cụ bàn với các giáo-hữu về việc làm chùa Hội quán Trung ương

Cụ Hội-trưởng hỏi hội đồng vậy thì việc họp này nên mời những ai.

Cụ Trần-trọng-Kim và cụ Nguyễn-quang-Oánh nói : Cụ Lớn Võ-Hiền đã có cái nhũ ý như thế, và nhất là việc họp để bàn việc làm chùa thì nên mời tất cả các vị Đại lý bên Tăng và bên Cư-sĩ các nơi về họp, để sau các vị ấy về tuyên bố cho các hội-viên biết như thế việc làm chùa mới có kết quả hay.

Ông Trần-văn-Giáp nói : nên gửi thêm cho các vị Đại lý mỗi vị đó mười tờ thiệp mời để tùy ông Đại lý xem những vị hội-viên chi ấy ai là người có đạo tâm và sốt sắng với công việc Hội thì tùy ông Đại lý đưa thiệp mời.

Cụ Cử Dương nói : về vệc đưa thêm thiệp mời cho các vị Đại lý để họ mời thêm thì chỉ nên giao cho các ông Đại

lý bên cư-sĩ và các vị Đại-đức như : Cụ Tế cát, cụ Sở, cụ Phúc chính, cụ Trung hậu, cụ Giám-hương và những cụ khác nữa thì đề tưng ban Đạo-sư chọn chữ không nên giao thiệp cho cả các vị Đại-lý Tăng, về việc này các cụ Đạo-sư cũng đồng ý với cụ Cử Dương.

Cụ Lê-Toại nói : còn ở Hanoi thì nên mời tất cả các vị hội-viên Tôn-trợ và Vĩnh-viễn.

Cụ Kim nói : không cứ gì Tôn-trợ và Vĩnh-viễn hội-viên mời mời, ngay các vị Chủ-trì mà xét ra có đạo tâm cũng nên mời.

Sư cụ Dương gia xin mời làm hai kỳ để người đến họp trước giới thiệu người đến họp sau, nhưng toàn ban phân đối, lấy lẽ là mời như thế rất phiền phức cho những người ở xa về họp.

Việc thảo giấy mời và hỏi Cụ Lớn Võ xem họp vào ngày nào thì hội đồng nhờ Cụ Lớn Hội-trưởng.

Cụ Hội-trưởng trình hội-dồng giấy phép làm chùa đã được, và giấy gọi nộp số tiền hơn ba trăm đồng của ông Chánh kho bạc là tiền làm hai cái cống thoát nước ở trong chùa ra ngoài cống của thành phố. - Cụ Oánh nói : khi nào khởi công làm chùa sẽ nộp cũng được. Hội-dồng cử cụ Lê-Toại ra Đốc-lý và Kho-bạc để điều-dinh hoãn việc nộp thuế này, cụ Lê-Toại nhận nhời.

Cụ Hội-trưởng đọc bản kê các chi hội và chư tăng các nơi đã gửi tiền cúng góp làm chùa về, do cụ Dương gia giữ mới được có chín trăm sáu mươi nhăm đồng (965\$00) thì trong số ấy có trích ra :

Sáu đồng (6\$00) bữa trai soạn hôm chư tăng về họp hội-dồng bàn việc làm chùa. Ba mươi ba đồng (33\$00) sửa trai soạn hôm các vị đại-lý cư-sĩ về họp hội-dồng bàn việc làm chùa.

Cốn số tiền ba trăm tám mươi đồng (380\$00) cụ cho hội vay giả cho mấy ông Kiến-trúc sư, nay cụ xin hội giả lại cho cụ một ít.

Toàn ban hội-dồng nói cụ Lớn đã cho hội vay (380p.00) để trả tiền về kiều chùa, nay tiền cúng góp làm chùa

các nơi đã gửi về được (965p.00) thì hội xin hoàn lại cho cụ Lớn cả 380p.00 ấy, khi nào hội thiếu sẽ nhờ đến cụ Lớn sau.

Ông Tô-Lan Trưởng-ban kế-toán nói : số tiền 965p.00 này trừ các khoản chi tiêu thuộc về việc làm chùa, còn bao nhiêu xin hội đồng giao cho cụ Lê-Toại Thủ-quỹ của hội tạm giữ, rồi để gửi vào nhà Ngân hàng, bởi vì hội ta đã có pháp nhân quyền rồi, thì lúc gửi và khi lấy ra cũng dễ, hội đồng đồng ý với ông Lan, và xin cụ Đương-gia giao số tiền cũng góp ấy cho ông Thủ-quỹ Lê-Toại.

Cụ Thủ-quỹ Lê-Toại trình hội đồng là từ khi hội khởi xướng lên việc làm chùa thì cũng đã có nhiều ông bà gửi tiền cúng, nay muốn cho dễ việc kiểm soát, cụ xin làm riêng ra một quyển sổ Thu. Chỉ trong việc làm chùa, hội đồng ưng thuận và nhờ cụ lưu ý ngay cho.

Cụ Hội-trưởng đọc một đoạn đăng trong báo Tân-Việt-Nom hình như ám-chỉ hội Phật-giáo để hội đồng nghe, và hỏi ý kiến hội đồng có nên trả lời không ?

Cụ Lê-văn-Phúc và cụ Trần-trọng-Kim nói hội ta là một tôn giáo, không nên trả lời, vả lại họ không nói rõ lên hội, thì ta không nên để ý đến làm gì.

Nay muốn cho thập phương giáo hữu khỏi nghi ngờ, cũng tránh những điều dị-nghị ở ngoài, thì hội ta nên làm một bản thống kê nói rõ sự Thu Chi từ ngày thành lập Hội đến nay cho đăng lên báo Đuốc-Tuệ là tiện, và cứ mỗi tháng cũng cho đăng cả tờ nguyệt-kết nữa, về việc này hội đồng giao ông Tô-Lan Trưởng-ban kế-toán xét và làm cho một bản kê sự thu chi của hội để cho đăng báo.

Cụ chánh hội-trưởng xin với hội-dồng đăng vào báo Đuốc-Tuệ rằng phạm hội viên của hội Phật-giáo ai muốn biết tình hình tài chính của hội ra thế nào thì được phép đến chùa Quán-sứ hỏi ban thường-trực đưa các sổ sách giấy má về việc thu chi của hội cho xem, thì khắc biết tình trạng nền tài chính của hội, không nên nghe nhời sàm báng ở ngoài mà sai sự thực.

Cả hội-dồng cùng đồng ý với cụ hội-trưởng và ủy ban thường-trực từ nay giữ đi bút ký nam nữ hội viên đến hội

xem sổ sách của hội về việc tài-csinh thì phải đưa cho xem tất cả các sổ sách về việc thu, việc chi của hội. Ai hỏi đến việc gì phải cắt nghĩa tường tất.

Đến 6 giờ không ai bàn gì nữa hội-đồng giải tán.

Duyệt y Chánh hội-trưởng

Thư ký

Nguyễn-năng Quốc

Nguyễn-văn-Minh

VIỆC LÀM CHÙA HỘI-QUÁN TRUNG-ƯƠNG

Kính trình các ngài Đại biểu nội, ngoại họ
các chi Hội Phật-giáo

Thưa các ngài,

Kỳ Đại-hội-đồng bất thường họp ngày 7-11-1937 có đóng đủ các vị Đại-biểu các chi về họp đề bàn việc làm chùa Hội-quán Trung-ương, — theo như bên tăng giới hội đồng có duyệt-y bản đề nghị về việc thu tiền cúng góp của mỗi vị hội-viên tại-gia 1\$00 cũng như bên xuất-gia để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán Trung-ương nay mai. Vì thế nên Trung-ương đã gửi biên lai thu tiền cúng góp ấy cho các ngài đã ba tháng nay rồi.

Vậy có lời thành khẩn nhắc các ngài, xin các ngài lưu ý mà thu giúp ngay, rồi gửi về Trung-ương cho cụ chánh hội trưởng (xin gửi cả cuốn biên lai về cho tiện việc kiểm soát).

Ngôi chùa hội quán Trung-ương Hội Phật-giáo là tiêu biểu của một nền tôn-giáo nước nhà, sau này chóng được viên thành quả phước một phần lớn cũng là nhờ ở tấm lòng sốt sắng của các ngài và sự lớn ngưỡng của thập-phương thiện-tín vậy.

Công đức vô lượng.

Nam mô Bản-sư Thích ca mâu ni Phật
Hội Phật-giáo Bắc-kỳ kính-đạt.

BÁ CÁO

Chi hội Phật-giáo địa phương Yên mỹ (Hưng-yên) có mất trộm một quyển biên-lai thu tiền cúng góp làm chùa. Vậy các giáo hữu thấy kẻ gian nào đem biên lai có từ số 1701 đến 1750 thu tiền thì xin giữ lại hoặc phi báo ngay cho ông Đại-lý chi Yên-mỹ biết.

Hỡi ai là đệ tử Phật !

Hãy ghi nhớ :

« ĐÊM TRĂNG TRÒN »

Vào Rằm tháng Hai mỗi năm là đêm kỷ-niệm Phật nhập Niết-bàn..

Bản chỉ vừa nhận được quyển « ĐÊM TRĂNG TRÒN » của ông Thanh-Hư Bùi-thiên Lượng Editions « Eudia » xuất bản và gửi tặng.

Đ. T. T. là một thiên ký-sự thuật cuộc Đại lễ vía Phật (Cérémonie du Wesak) đêm Rằm tháng Hai mỗi năm bên Tây-tạng.

Sách cỡ 13×19, có nhiều hình giảng nghĩa và một lần phụ bản hình Phật giảng thế in màu trên giấy láng rất đẹp Giá O\$20.

Ở xa mua xin gửi 4 con có 6 xu (cả cước phi) cho :

M. Bùi-thiên-Lượng Editions « Eudia »

7, Rue de Reims — Saigon

Đuốc Tuế

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Sư cụ Thọ tự Thống Cầm 85 tuổi, vô trụ, ngụ tại Hội quán hội Phật-giáo. Haidương đã viên tịch ngày mồng 9 tháng riêng năm mậu dậu.

Cụ Nguyễn văn Sắt 72 tuổi, làng Nghĩa Phú Huyện Cẩm-giảng Haidương tạ thế ngày mồng 1 tháng chạp năm Đinh sửu.

Sư cụ tự Thanh Trường chùa xã Đông phan Thanh-Bà Haidương viên tịch 19-10-37.

Bùi thị Thảo xã Bình Hà tạ thế 13-11-37.

HỘP THƠ

(Các bì đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Nguyễn Trọng Huệ, và Phan Sĩ Á, Tourane	2.00
Trần Văn Tiền, Long-mỹ	1.00
Tông Phước Thuyền, Tourane	1.50
Nguyễn Văn Ngọ, Rach-giá	2.00
Trần Quang Hanh (1.00), Cao Khắc Lương (1.50), Nguyễn Huy Ước (1.00), Nguyễn Bửu Quảng (1.00), Lê Xuân Chính (1.00), Đào Văn Sáng (1.50)	7.00
Nguyễn Thế Ngọc, Phạm Trọng Thành (3.00), Giáo thọ Niệm-châu (2.50), Phạm Văn Biệth (1.50), Đoàn Văn Ngưu (1.00), Nguyễn Ngọc Hộ (0.40)½	8.40
Vương Văn Thắng, Hưng-yên	1.50
Hồ Tấn Phát, Cần-thơ	1.00
Trần Bạch Hạt, Cholon	1.00
Trần Xuân Tích, Toureham	2.00
Nguyễn-Cần, Bông-sơn	1.00
Đinh Công Xiển, Hòa-bình	1.00
Nguyễn Văn Mẫu, Kiến-an	1.00
Đặng Phước Tuyên, Cholon	1.50
Trần Văn Hữu, Lapvo	1.50
Đỗ Văn Tự, Bắc-ninh	1.60
Phạm Bá Thiên, Phan-hiết	1.50
Dương Minh Châu, và Nguyễn Ngọc Vĩnh, Gocong	1.30
Phạm Duy Ninh, Moncong	2.50

M^{me} Trần Thị Em, à Haiduong Bản báo có nhận được thơ và nói có gửi theo 20 son lem (timbres) 0.05, nhưng không thấy. M. Nguyễn Tiểu Phiến, à Nghệ-an. Bản báo đã nhận được 1 02 lem của ngài rồi (trả tiền báo Đ. T. đến số 78).

M. Tung, à Haiphong. Bản báo có gửi Đ. T. số 75 cho ngài, nhưng thấy gửi trả lại và đóng dấu « Retour » nên không gửi tiếp nữa. Nay tiếp được thơ ngài. Bản báo lại xin gửi từ số 75 trở đi.

Đ. T.

GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-hà-áp

Số 8:2 : Nhà in Đuốc-tuệ chùa Quán-Sứ 78 Richard Ha noi

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH